|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  NGÂN HÀNG THẾ GIỚI  |

**Mục Lục**

**SỔ TAY HƯỚNG DẪN CHO VAY ĐẦU TƯ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG BẰNG NGUỒN VỐN NGÂN HÀNG THẾ GIỚI**

**DỰ ÁN QUẢN LÝ Ô NHIỄM CÁC KHU CÔNG NGHIỆP THUỘC LƯU VỰC SÔNG ĐỒNG NAI VÀ SÔNG NHUỆ - ĐÁY (VIPM)**

**MÃ SỐ DỰ ÁN: 113151**

[I. Thông tin chung 2](#_Toc339958848)

[1.1. Dự án Quản lý ô nhiễm các khu công nghiệp thuộc lưu vực sông Đồng Nai, sông Nhuệ - Đáy 2](#_Toc339958849)

[1.2. Giới thiệu về Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam 2](#_Toc339958850)

[1.3. Đặc điểm cơ chế cho vay lại Hợp phần 2 2](#_Toc339958851)

[1.4. Giới thiệu về Sổ tay hướng dẫn cho vay đầu tư trạm XLNTTT bằng nguồn vốn NHTG (OM) 2](#_Toc339958852)

[II. Cơ sở pháp lý 2](#_Toc339958853)

[2.1. Quy định pháp luật của Việt Nam 2](#_Toc339958855)

[2.2. Chính sách và hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới 2](#_Toc339958856)

[III. Sơ đồ quy trình nghiệp vụ 2](#_Toc339958857)

[3.1. Tư vấn tiếp nhận hồ sơ vay vốn 2](#_Toc339958858)

[3.2. Quy trình thẩm định (bao gồm thẩm định TSBĐ và phê duyệt cho vay) 2](#_Toc339958859)

[3.3. Ký kết hợp đồng và giải ngân 2](#_Toc339958860)

[3.4. Giám sát, đánh giá và báo cáo 2](#_Toc339958861)

[IV. Sàng lọc dự án 2](#_Toc339958862)

[4.1. Nguyên tắc sàng lọc dự án 2](#_Toc339958863)

[4.2. Tiêu chí sàng lọc 2](#_Toc339958864)

[V. Thẩm định dự án 2](#_Toc339958865)

[5.1. Quy trình thẩm định 2](#_Toc339958866)

[5.2. Phân tích nhu cầu 2](#_Toc339958867)

[5.3. Thẩm định tư cách và năng lực pháp lý chủ đầu tư 2](#_Toc339958868)

[5.4. Thẩm định kỹ thuật 2](#_Toc339958869)

[5.5. Thẩm định tình hình tài chính của doanh nghiệp 2](#_Toc339958870)

[5.6. An toàn môi trường và xã hội 2](#_Toc339958871)

[5.7. Đánh giá tính khả thi và rủi ro của dự án đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung 2](#_Toc339958872)

[5.8. Thẩm định tài sản bảo đảm 2](#_Toc339958873)

[5.9. Phê duyệt và ký kết các hợp đồng 2](#_Toc339958874)

[5.10. Giải ngân 2](#_Toc339958875)

[VI. Quản lý khoản vay 2](#_Toc339958876)

[6.1. Quản lý, lưu trữ hồ sơ 2](#_Toc339958877)

[6.3. Phân loại nợ 2](#_Toc339958878)

[6.4. Xử lý nợ xấu (NPLs) 2](#_Toc339958879)

[VII. Quản trị rủi ro 2](#_Toc339958880)

[7.1. Thành lập bộ phận QTRR 2](#_Toc339958881)

[7.2. Các loại rủi ro và phương pháp quản trị rủi ro 2](#_Toc339958882)

[7.3. Hạn mức nợ xấu 2](#_Toc339958883)

[7.4. Dự phòng rủi ro 2](#_Toc339958884)

[7.5. Trách nhiệm của QBVMTVN khi rủi ro xảy ra 2](#_Toc339958885)

[VIII. Thực hiện, theo dõi, đánh giá, và báo cáo 2](#_Toc339958886)

[8.1. Thực hiện dự án 2](#_Toc339958887)

[8.2. Quy trình thẩm định cho vay tổng quát 2](#_Toc339958888)

[8.3. Giám sát, đánh giá, và Báo cáo 2](#_Toc339958889)

[IX. Quản trị tài chính 2](#_Toc339958890)

[9.1. Nguyên tắc chung 2](#_Toc339958891)

[9.2. Chức năng và nhiệm vụ của các bên liên quan 2](#_Toc339958892)

[9.3. Kiểm soát nội bộ 2](#_Toc339958893)

[9.4. Kế hoạch và dự toán ngân sách dự án 2](#_Toc339958894)

[9.5. Hạch toán kế toán 2](#_Toc339958895)

[9.6. Báo cáo tài chính 2](#_Toc339958896)

[9.7. Các phương pháp giải ngân 2](#_Toc339958897)

[9.8. Kiểm toán 2](#_Toc339958898)

[X. Đấu thầu/Mua sắm/Thuê chuyên gia 2](#_Toc339958899)

[10.1. Quy trình đấu thầu 2](#_Toc339958900)

[10.2. Kế hoạch đấu thầu 2](#_Toc339958901)

[10.3. Giám sát và theo dõi 2](#_Toc339958902)

[10.4. Xét duyệt của Ngân hàng Thế giới 2](#_Toc339958903)

[10.5. Mua sắm thiết bị và các dịch vụ phi tư vấn 2](#_Toc339958904)

[10.6. Phương pháp lựa chọn tư vấn 2](#_Toc339958905)

**Danh sách phụ lục**

Phụ lục 1: Mẫu sàng lọc dự án

Phụ lục 2: Hướng dẫn lập hồ sơ vay vốn và mẫu giấy đề nghị vay vốn

Phụ lục 3: Mẫu báo cáo thẩm định

Phụ lục 4: Hướng dẫn thẩm định năng lực và tư cách pháp lý của Chủ đầu tư

Phụ lục 5: Danh mục hồ sơ vay vốn

Phụ lục 6: Danh mục các yêu cầu kỹ thuật và hướng dẫn thẩm định kỹ thuật

Phụ lục 7: Dự thảo hợp đồng cho vay lại

Phụ lục 8: Dự thảo hợp đồng thế chấp tài sản

Phụ lục 9: Quy trình vay vốn với lãi suất ưu đãi (theo Quyết định 65/2010/QĐ-QBVMT)

Phụ lục 10: Dự thảo hợp đồng ủy thác cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

Phụ lục 11: Cơ chế giải ngân Hợp phần 2

Phụ lục 12: Danh mục hồ sơ rút vốn vay

Phụ lục 13: Điều khoản tham chiếu chức danh chuyên gia an toàn môi trường và xã hội.

Phụ lục 14: Điều khoản tham chiếu chức danh cán bộ Kiểm toán nội bộ.

**Danh mục sơ đồ**

Sơ đồ 1: Tư vấn tiếp nhận hồ sơ vay vốn

Sơ đồ 2: Quy trình thẩm định

Sơ đồ 3: Quy trình ký kết hợp đồng và giải ngân

Sơ đồ 4: Quy trình giám sát, đánh giá và báo cáo

Sơ đồ 5: Thẩm định tài sản đảm bảo tiền vay

Sơ đồ 6: Các giai đoạn giải ngân

Sơ đồ 7: Quy trình xử lý nợ xấu

Sơ đồ 8: Cơ cấu hoạt động của bộ phận Quản trị rủi ro

Sơ đồ 9: Quy trình quản trị rủi ro tín dụng

Sơ đồ 10: Cơ cấu tổ chức BQLDA - QBVMTVN

Sơ đồ 11: Quy trình thẩm định cho vay tổng quát

Sơ đồ 12: Quy trình kiểm soát nội bộ

 CÁC TỪ VIẾT TẮT

BĐTV: Bảo đảm tiền vay

BKHĐT: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BQLDA: Ban quản lý dự án

BTC: Bộ Tài chính

BTNMT: Bộ Tài nguyên và Môi trường

BVMT: Bảo vệ môi trường

CĐT: Chủ đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung

CIRR: Lãi suất thương mại tham chiếu

VIPMP: Dự án Quản lý ô nhiễm các KCN thuộc lưu vực sông Đồng Nai, Nhuệ - Đáy

ĐTM: Báo cáo đánh giá tác động môi trường

ESMF: Khung quản lý chung về môi trường và xã hội của NHTG

HĐTD: Hội đồng tín dụng

KCN: Khu công nghiệp

NHNN: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

NHTG: Ngân hàng Thế giới

NHTM: Ngân hàng Thương mại

OM: Sổ tay Hướng dẫn cho vay đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung bằng nguồn vốn Ngân hàng Thế giới

BQLDA - QBVMTVN: Ban quản lý Dự án Hợp phần 2 tại QBVMTVN

QBVMTVN: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

RRTD: Rủi ro tín dụng

STNMT: Sở Tài nguyên và Môi trường

TSBĐ: Tài sản bảo đảm

TCMT: Tổng cục môi trường

XLNTTT: Xử lý nước thải tập trung

***Các phòng ban, bộ phận trong Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam***

CDM: Cơ chế phát triển sạch

HĐQL: Hội đồng quản lý QBVMTVN

HĐTD: Hội đồng tín dụng

KHPT: Kế hoạch phát triển

KSNB: Kiểm soát nội bộ

QTRR: Quản trị Rủi ro

TCKT: Tài chính Kế toán

TDĐT: Tín dụng đầu tư

VP: Văn phòng

# Thông tin chung

## 1.1. Dự án Quản lý ô nhiễm các khu công nghiệp thuộc lưu vực sông Đồng Nai, sông Nhuệ - Đáy

Cùng với Ngân hàng Thế giới (NHTG), Chính phủ Việt Nam tiến hành triển khai dự án “Quản lý ô nhiễm các khu công nghiệp thuộc lưu vực sông Đồng Nai, sông Nhuệ - Đáy” với mục đích hỗ trợ các khu công nghiệp (KCN) cải thiện chất lượng nước xả thải nhằm phù hợp với các quy định về môi trường hiện hành tại 4 tỉnh Nam Định, Hà Nam, Đồng Nai và Bà Rịa – Vũng Tàu. Để thực hiện thành công dự án, các cơ quan về môi trường cần phải được tăng cường năng lực, nâng cao hệ thống giám sát và cơ chế thực thi, đồng thời cung cấp nguồn tài chính ưu đãi cho việc xây dựng các hệ thống xử lý nước thải tập trung (XLNTTT) tại các KCN. Bên cạnh đó, các cơ quan thực hiện cũng cần phải công bố thông tin về các bên tham gia, thông tin về việc giám sát thực hiện dự án cho các tỉnh thuộc lưu vực sông Nhuệ-Đáy, và sông Đồng Nai.

## 1.2. Giới thiệu về Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

Sau khi xem xét, đánh giá năng lực, Ban Quản lý dự án Bộ kế hoạch đầu tư (BQLDA - BKHĐT) đã quyết định chọn Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (QBVMTVN) tham gia dự án với vai trò thực hiện Hợp phần 2. Là một tổ chức tài chính đặc biệt của Nhà nước, nhiệm vụ chính của QBVMTVN là sử dụng vốn được cấp từ Ngân sách Nhà nước, hỗ trợ về mặt tài chính các dự án, chương trình liên quan đến việc bảo vệ môi trường Việt Nam. Hiện nay, nguồn vốn điều lệ của QBVMTVN theo Quyết định số 35/2008/QĐ-TTg là 500 tỷ đồng.

Hoạt động của QBVMTVN phù hợp với việc triển khai Hợp phần 2 của dự án bởi QBVMTVN có khả năng đánh giá về mặt kỹ thuật các dự án XLNTT tại KCN và đánh giá về mặt tài chính, khả năng trả nợ của chủ đầu tư. Tính đến hết tháng 9 năm 2012, QBVMTVN đã cho vay với lãi suất ưu đãi 32 dự án XLNTTT. Trong số đó, 12 dự án tại tỉnh Đồng Nai, 02 dự án tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, 01 dự án tại tỉnh Nam Định. QBVMTVN trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường (BTNMT) và được Bộ Tài chính (BTC) hướng dẫn chế độ quản lý tài chính.

Đối với Hợp phần 2, QBVMTVN cũng lập Ban Quản lý Dự án Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (BQLDAQBVMTVN) và mở một tài khoản đặc biệt (TKĐB) nhằm hỗ trợ QBVMTVN quản lý và thực hiện dự án một cách hiệu quả. QBVMTVN sẽ cho vay với lãi suất ưu đãi cho các KCN tại 04 tỉnh nhằm xây dựng các trạm XLNTTT dựa trên kết quả hoạt động và việc thực hiện các tiêu chí được đề ra bởi BKHĐT và NHTG. Được BTC ủy quyền, QBVMTVN sẽ ký hợp đồng cho vay lại đối với các chủ đầu tư trạm XLNTTT (CĐT XLNTTT) được chọn, giải ngân khoản vay, giám sát việc thực hiện dự án và thu hồi nợ BQLDA – QBVMTVN sẽ hỗ trợ các hoạt động nói trên.

## 1.3. Đặc điểm cơ chế cho vay Hợp phần 2

* Hỗ trợ việc xây dựng mới hoặc mở rộng đầu tư khoảng 08 trạm XLNTTT (trong đó ít nhất 01 trạm tại mỗi tỉnh) bao gồm cả việc xây dựng hệ thống thu gom, giếng thăm dò và hệ thống quan trắc tự động (AMS) tại các KCN thuộc 4 tỉnh đã được lựa chọn.
* Một số yêu cầu bắt buộc bao gồm: Đầu vào nước thải đã qua giai đoạn tiền xử lý, 100% doanh nghiệp KCN kết nối với trạm XLNTTT, tự quan trắc tại doanh nghiệp và năng lực của người vận hành trạm XLNTT phải đạt yêu cầu.
* Trị giá cho vay: tối đa 75% tổng mức đầu tư.
* Thời gian cho vay: tối đa 15 năm và 2 năm ân hạn[[1]](#footnote-1). CĐT có thể trả nợ trước hạn.
* Căn cứ nội dung thẩm định, tư cách, năng lực, tình hình tài chính của CĐT và tính khả thi và rủi ro của dự án vay vốn, QBVMTVN sẽ thỏa thuận với CĐT thời hạn trả nợ cả gốc và lãi vốn vay. Thời hạn trả nợ sẽ được quy định cụ thể trong hợp đồng cho vay lại.
* Lãi suất cho vay lại được xác định theo Nghị định 78/2010/NĐ-CP như sau:
	+ Lãi suất cho vay ngoại tệ = 2/3 lãi suất thương mại tham chiếu (CIRR) tương ứng với thời hạn cho vay lại tại thời điểm xác định điều kiện cho vay lại x 30%. Lãi suất CIRR của đồng đôla Mỹ (ngoại tệ gốc vay NHTG) vào thời điểm hiện tại (tháng 9/2012) là 1.98%, thấp hơn lãi suất vay NHTG (2%/năm). Trong trường hợp các doanh nghiệp đầu tư trạm xử lý nước thải KCN (doanh nghiệp vay lại) vay lại bằng ngoại tê, mức lãi suất cho vay lại là 2%/năm.
	+ Lãi suất cho vay lại bằng Đồng Việt Nam: Đối với Dự án này, các CĐT được đề nghị được vay bằng Đồng Việt Nam do không có nguồn thu bằng ngoại tệ từ Dự án. Mức lãi suất cho vay lại bằng Đồng Việt Nam được tính bằng lãi suất vay gốc nhân với tỷ lệ 30% ưu đãi lãi suất[[2]](#footnote-2), cộng với rủi ro tỷ giá đồng USD/VND. Tại thời điểm này, mức rủi ro tỷ giá là 6%/năm (căn cứ Quyết định số 20/QĐ-BTC ngày 6/1/2011 của BTC công bố mức chênh lệch lãi suất đối với đồng USD khi cho vay lại vốn ODA bằng Đồng Việt Nam). Như vậy, trong trường hợp CĐT vay lại bằng đồng Việt Nam, mức lãi suất cho vay lại sẽ là 6,6%/năm.
	+ Mức lãi suất cho vay lại cụ thể sẽ được xác định vào thời điểm QBVMTVN được BTC ủy quyền ký Thỏa thuận cho vay lại với CĐT, căn cứ vào các nguyên tắc tinh toán trên. Mức lãi suất này sẽ được thể hiện trong Thỏa thuận cho vay lại và không thay đổi trong suốt thời hạn cho vay lại
* CĐT phải trả mức phí thẩm định cho QBVMTVN là 1,35% (để chi trả các chi phí thẩm định của QBVMTVN) tính trên số tiền giải ngân theo từng lần giải ngân.
* CĐT phải trả phí cho vay lại quy định tại Nghị định 78/2010/NĐ-CP là 0,2%/năm trên số dư nợ gốc thực tế.
* Khoản vay tối đa: 4 triệu USD.
* Số tiền cho vay tối đa với một chủ thể vay vốn[[3]](#footnote-3): 5 triệu USD.
* Đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay[[4]](#footnote-4) (bao gồm trạm XLNTTT và các tài sản khác hình thành trong tương lai từ dự án vay vốn) và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Giá trị tài sản hình thành vốn vay và TSBĐ được tính bởi công ty thẩm định giá có chứng chỉ và được thuê bởi QBVMTVN.
* Thời gian giải ngân: Tối đa 2 năm kể từ khi ký Thỏa thuận cho vay lại với CĐT.

## 1.4. Giới thiệu về Sổ tay hướng dẫn cho vay đầu tư trạm XLNTTT bằng nguồn vốn NHTG (OM)

*Sổ tay hướng dẫn cho vay đầu tư trạm XLNTTT bằng nguồn vốn NHTG* được lập nhằm hướng dẫn các hoạt động thẩm định, cho vay và giám sát khoản vay của QBVMTVN trong khi triển khai Hợp phần 2 của Dự án VIPMP và sẽ được sử dụng như là Phụ lục trong Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT[[5]](#footnote-5) cho toàn bộ dự án nói chung. Nội dung của *Sổ tay hướng dẫn cho vay đầu tư trạm XLNTTT bằng nguồn vốn NHTG* sẽ bao gồm:

* Rà soát sơ bộ dự án.
* Quy trình thẩm định dự án đối với các vấn đề tài chính và phi tài chính.
* Chấp thuận cho vay, ký hợp đồng và tiến hành giải ngân.
* Lưu trữ hồ sơ, thu nợ và xử lý nợ xấu.
* Triển khai dự án, giám sát, đánh giá vào báo cáo lên các cơ quan có thẩm quyền.
* Phương pháp phân tích, quản trị rủi ro.
* Quy trình quản lý tài chính.
* Hướng dẫn đấu thầu, mua sắm.

# II. Cơ sở pháp lý

1.

## 2.1. Quy định pháp luật của Việt Nam

**Luật**

* Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
* Luật Quản lý nợ công năm 2009;
* Luật Bảo vệ môi trường năm 2005;
* Luật Đấu thầu năm 2005;
* Luật Đầu tư năm 2005;
* Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008;
* Luật Xây dựng năm 2005;
* Luật số 38/2009/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;
* Luật Đất đai sửa đổi năm 2003;
* Luật Nhà ở năm 2005;

**Nghị định**

* Nghị định số 131/2006/NĐ-CP về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;
* Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ban hành ngày 14/07/2010 về việc cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của chính phủ;
* Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;
* Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ban hành ngày 18/04/2011 về việc Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
* Nghị định số 117/2009/NĐ-CP ngày 31/12/2009 về việc xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
* Nghị định số 69/2009/NĐ-CP quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;
* Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ban hành Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;
* Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;
* Nghị định số 48/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng
* Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý đầu tư xây dựng công trình;
* Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
* Nghị định số 112/2009/NĐ-CP về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
* Nghị định số 83/2009/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 Về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
* Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định sô 163/2006/NĐ-CP.

**Thông tư**

* Thông tư số 93/2003/TT-BTC ngày 06/10/2003 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;
* Các thông tư hướng dẫn thực hiện các thủ tục đấu thầu ban hành bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
* Thông tư số 03/2009/TT-BXD hướng dẫn chi tiết một số nội dung trong nghị định số 12/2009/NĐ-CP;
* Thông tư số 05/2009/TT-BXD Hướng dẫn điều chỉnh dự toán công trình;
* Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT ban hành theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Quyết định**

* Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
* Quyết định số 35/2008/QĐ-TTg ngày 03/03/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành điều lệ và tổ chức của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;
* Quyết định số 82/2002/QĐ-TTg ngày 26/02/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;
* Quyết định số 49/2007/QĐ-TTg về việc Quy định các trường hợp đặc biệt được chỉ định thầu;
* Quyết định số 957/QĐ-BXD về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;
* Các quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng trích lập dự phòng trong quản lý rủi ro tín dụng bao gồm Quyết định số 18/2007.QĐ-NHNN và Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN;
* Quyết định số 04/QĐ-HĐQL ngày 25/10/2010 của HĐQL về thẩm quyền quyết định cho vay vốn với lãi suất ưu đãi của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

## 2.2. Chính sách và hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới

* Khung quản lý môi trường và xã hội (ESMF)
* Đánh giá môi trường (Chính sách hoạt động 4.01)
* Hiệp ước không tự nguyện (Chính sách hoạt động 4.12)

# III. Sơ đồ quy trình nghiệp vụ

## 3.1. Tư vấn tiếp nhận hồ sơ vay vốn

**Sơ đồ 1: Tư vấn tiếp nhận hồ sơ vay vốn**

*Không đạt*

*Đạt*

Yêu cầu bổ sung hồ sơ

Từ chối

Kiểm tra hồ sơ

Chấp nhận hồ sơ

Chuyển bộ phận Tín dụng thẩm định

Hồ sơ vay vốn đầy đủ

QBVMTVN tư vấn CĐT lập hồ sơ dự án

Khách hàng

Tiếp nhận hồ sơ bên vay nộp

Chuyển BP quản trị rủi ro đánh giá

## 3.2. Quy trình thẩm định (bao gồm thẩm định TSBĐ và phê duyệt cho vay)

**Sơ đồ 2: Quy trình thẩm định**

*01 ngày*

*04 ngày*

*Gửi báo cáo tư vấn đến QBVMTVN sau 10 ngày làm việc*

*Không duyệt*

Thẩm định TSBĐ (trong khi đi thực tế)

*Phê duyệt*

*05 ngày*

*04 ngày*

*Phê duyệt*

*Không duyệt*

Bộ phận Tín dụng tiếp nhận hồ sơ vay vốn và phân công CBTD phụ trách

CBTD lập BCTĐ sơ bộ và đề xuất hướng xử lý hồ sơ

Thẩm định thực tế

Báo cáo thẩm định cuối cùng

Hội đồng tín dụng

Giám đốc

Giám đốc

Trình Bộ Tài chính

Trưởng bộ phận tín dụng

Từ chối

Lấy ý kiến Hội đồng quản lý Quỹ

Trưởng BP Tín dụng

*01 ngày*

*01 ngày*

*02 ngày*

*02 ngày*

Chuyên gia tư vấn (XH-môi trường và tín dụng)

NHTG đánh giá dự án và gửi thư không phản đối\*

*04 ngày*

*02 ngày*

Giám đốc ra quyết định cho vay

*07 ngày*

*05 ngày*

*01 ngày*

\* Trong giai đoạn thẩm định sơ bộ, NHTG sẽ cử chuyên gia đi thực địa tại dự án nhằm đánh giá các điều kiện an toàn xã hội, ĐTM và kế hoạch đấu thầu của CĐT (Dự kiến thực hiện trong 10 ngày làm việc). Sau đó, NHTG sẽ phát hành thư không phản đối. Căn cứ vào thư không phản đối của NHTG, QBVMTVN sẽ tiến hành các bước tiếp theo.

## 3.3. Ký kết hợp đồng và giải ngân

**Sơ đồ 3: Quy trình ký kết hợp đồng và giải ngân**

*Giải ngân đợt 2,3 thực hiện giống quy trình đợt 1*

*01 ngày*

*10 ngày*

*05 ngày*

*04 ngày*

*02 ngày*

*02 ngày*

*02 ngày*

*01 ngày*

**Bên vay**

**Bộ phận Tín dụng**

Chuẩn bị hợp đồng

+ HĐTC tài sản bảo đảm

+ HĐTD

Ký kết hợp đồng

Đăng ký giao dịch bảo đảm

Ký phụ lục “Chi tiết sử dụng vốn vay”

+ Kiểm tra hồ sơ

+ Kiểm tra thực tế

Lập và ký khế ước nhận nợ

Giám đốc phê duyệt giải ngân

Giải ngân đợt 1

*01ngày ngày*

Giải ngân đợt 2

Giải ngân đợt 3

+ Tiếp nhận hồ sơ TSBĐ

+ Đăng ký bổ sung giao dịch bảo đảm

Ký phụ lục “Tài sản bảo đảm”

Ký phụ lục “Lịch biểu trả nợ”

Thu hồi nợ và theo dõi trả nợ

Lưu trữ hồ sơ

## 3.4. Giám sát, đánh giá và báo cáo

**Sơ đồ 4: Quy trình giám sát, đánh giá và báo cáo**

Thu nợ

Theo dõi nợ

Nhận báo cáo

Cơ quan môi trường

Cơ cấu nợ

Giám đốc QBVMTVN

BKHĐT & BTC

BQLDA - QBVMTVN

Kiểm soát nội bộ

Bộ phận

Tín dụng

Bộ phận QTRR

Bộ phận Kế toán

Các bộ phận hỗ trợ khác

Chủ đầu tư

1a

1b

2

3a

3b

4

4

5

6

7

# IV. Sàng lọc dự án

## 4.1. Nguyên tắc sàng lọc dự án

Trong bước này, cán bộ tiếp nhận hồ sơ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam sẽ tiếp nhận hồ sơ vay vốn do CĐT lập và đối chiếu với các tiêu chí cho vay đã được QBVMTVN xây dựng và được sự chấp thuận của NHTG để quyết định dự án vay vốn có được xem xét tiếp hay không. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ sẽ thực hiện các công việc sau:

* Bước 1: Tư vấn cho CĐT lập/hoàn thiện hồ sơ vay vốn.
* Bước 2: Đối chiếu dự án với các tiêu chí cho vay.
* Bước 3: Loại trừ những dự án không đáp ứng các tiêu chí và yêu cầu bổ sung thông tin, tài liệu với những dự án đáp ứng các tiêu chí cho vay nhưng hồ sơ tài liệu chưa đầy đủ.
* Bước 4: Sau khi CĐT đã hoàn thiện hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ dự án, báo cáo lên Trưởng bộ phận Tín dụng để bàn giao cho CBTD thẩm định.

Khi CĐT nộp hồ sơ vay vốn sau khi được tư vấn, hướng dẫn, sẽ có 3 trường hợp xảy ra:

* *Trường hợp một:* Dự án không đáp ứng các tiêu chí cho vay. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ sẽ từ chối dự án và báo cáo lên Trưởng bộ phận Tín dụng.
* *Trường hợp hai:* Dự án đáp ứng các tiêu chí cho vay, hồ sơ đầy đủ, phù hợp và đúng quy định để tiếp tục xem xét. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ sẽ lập biên bản tiếp nhận hồ sơ theo mẫu, gửi cho Bên đề nghị vay vốn một bản.
* *Trường hợp ba:* Dự án đáp ứng các tiêu chí cho vay nhưng hồ sơ chưa đầy đủ, phù hợp và đúng quy định không thể tiếp tục xem xét. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ sẽ yêu cầu và hướng dẫn CĐT bổ sung tài liệu. Sau khi CĐT đã hoàn thiện hồ sơ, cán bộ tiếp nhận sẽ tiếp nhận hồ sơ dự án giống như ở trường hợp thứ 2.

Sau khi tiếp nhận, cán bộ tiếp nhận hồ sơ lập đề xuất thẩm định theo mẫu và Biên bản bàn giao tài liệu để chuyển cho các Bộ phận liên quan. Bản cứng của hồ sơ vay vốn sẽ được chuyển cho Bộ phận Tín dụng. Bản mềm sẽ được chuyển cho Bộ phận Quản trị rủi ro, Nhóm Chuyên gia tư vấn (bao gồm chuyên gia Tư vấn Tín dụng và chuyên gia an toàn xã hội và môi trường) để đảm bảo công tác thẩm định được xuyên suốt và đúng thời gian.

Trưởng bộ phận Tín dụng sẽ phân công cán bộ Tín dụng phụ trách thẩm định dự án.

Quy trình sàng lọc dự án tương tự như bước đầu tiên Tư vấn tiếp nhận hồ sơ của *Quy trình cho vay ban hành theo Quyết định 65/2010 của Giám đốc* QBVMTVN (Xem Phụ lục 9).

## 4.2. Tiêu chí sàng lọc

4.2.1. Đối tượng cho vay

Đối tượng cho vay là những doanh nghiệp Việt Nam hiện đang là CĐT các trạm XLNTTT mới hoạt động hoặc đã hoạt động ở 04 tỉnh Hà Nam, Nam Định, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu.

4.2.2.Tiêu chi cho vay chung

* Căn cứ Khung quản lý môi trường và xã hội của NHTG (ESMF), CĐT phải (a) được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch tổng thể về đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và chính sách tái định cư trước tháng 05 (năm) năm 2010; và (b) đã hoàn thành việc đền bù đất đai, tái định cư, giải phóng mặt bằng tại thời điểm CĐT nộp hồ sơ vay vốn và không phát sinh bất kỳ tranh chấp về đất đai hoặc tài sản giữa các bên. CĐT cũng cần cam kết có kế hoạch đền bù người dân trong việc cưỡng chế đất đai (nếu được yêu cầu).
* CĐT có tư cách pháp lý và trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật hiện hành;
* CĐT cung cấp đủ bằng chứng về khả năng kỹ thuật, tài chính để vận hành trạm XLNTTT;
* CĐT cam kết sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích (được quy định cụ thể trong Thỏa thuận cho vay lại ký kết giữa CĐT và QBVMTVN).

4.2.3 Tiêu chí tài chính

* CĐT phải đảm bảo khả năng trả nợ;
* CĐT cam kết đầu tư bằng nguồn vốn tự có (ít nhất 25% tổng mức đầu tư dự án) và có bằng chứng về khả năng thu xếp vốn thực hiện dự án (được thể hiện bằng văn bản xác nhận số dư tài khoản tại Ngân hàng hoặc thư chấp thuận cấp vốn cho chủ đầu tư từ Ngân hàng);
* Theo Nghị định số 78/2010/NĐ-CP và Luật Quản lý nợ công, CĐT phải đáp ứng được các yêu cầu sau đây:
	+ Đối với CĐT các trạm XLNTTT đang hoạt động hoặc mở rộng:
		- CĐT phải có ít nhất 3 năm liền kề gần nhất hoạt động không bị lỗ;
		- Hệ số vốn chủ sở hữu/tổng tài sản (sau khi vay) không thấp hơn 20%.
	+ Đối với CĐT các trạm XLNTTT đang được tiến hành đầu tư mới: CĐT phải có thư cam kết của chủ sở hữu/công ty mẹ về bảo đảm khả năng trả nợ đối với khoản vay (do doanh nghiệp chưa đủ 3 năm hoạt động liên tục).
* CĐT không có nợ xấu với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.

4.2.4 Tiêu chí kỹ thuật

* CĐT cam kết hệ thống thu gom nước thải phải được kết nối với 100% các đơn vị thuê đất tại thời điểm trạm XLNTTT đi vào hoạt động (trừ những đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xả thải riêng từ trước);
* CĐT cam kết chỉ có một đầu xả thải duy nhất của trạm XLNTTT (trừ trường hợp đơn vị thuê đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho một đầu xả thải khác từ trước);
* Báo cáo đánh giá tác động môi trường KCN (và trạm XLNTTT đối với các KCN mới thành lập) phải được duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định hiện hành;
* CĐT phải cam kết tuân thủ đúng mục tiêu xã hội, môi trường theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam và của NHTG như đã được mô tả trong Khung Quản lý môi trường và xã hội của NHTG.

# V. Thẩm định dự án

## 5.1. Quy trình thẩm định

Nội dung thẩm định sẽ được trình bày từ mục 5.1 đến mục 5.6. Thông tin chi tiết sẽ được bao gồm trong báo cáo thẩm định tín dụng (Phụ lục 3).

Sơ đồ 2 ở trên miêu tả 7 bước thẩm định hồ sơ vay vốn như sau:

* Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ xin vay vốn;
* Bước 2: Thẩm định sơ bộ (nghiên cứu tài liệu, tiếp nhận thư không phản đối của NHTG về đảm bảo an toàn môi trường và xã hội và kế hoạch đấu thầu của CĐT. QBVMTVN có thể yêu cầu khách hàng vay vốn chỉnh sửa, bổ sung kế hoạch đền bù, giải phóng mặt bằng nếu NHTG xét thấy chưa đạt yêu cầu[[6]](#footnote-6);
* Bước 3: Thẩm định thực tế khảo sát thực tế tại đơn vị vay;
* Bước 4: Xác nhận tài sản đảm bảo tiền vay;
* Bước 5: Hoàn thiện báo cáo thẩm định và trình Lãnh đạo;
* Bước 6: Giám đốc QBVMTVN phê duyệt, trình lấy ý kiến Hội đồng quản lý QBVMTVN[[7]](#footnote-7) và BTC.
* Bước 7: Giám đốc QBVMTVN ra quyết định cho vay.

Thời gian dự kiến để hoàn thành quá trình thẩm định là 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

## 5.2. Phân tích nhu cầu

BQLDA-QBVMTVN sẽ thu thập toàn bộ thông tin để đánh giá về nhu cầu hiện tại và tương lai của các đối tượng hưởng lợi từ dự án, nhu cầu của chủ đầu tư và các nguồn lực cần thiết để thẩm định, cho vay đối với dự án.

* Bước 1: Chứng minh dự án phù hợp với mục tiêu chung của Dự án VIPM.
* Đánh giá sự cần thiết, mục tiêu, quy mô và ảnh hưởng của dự án, có phù hợp với tình hình thực tế của địa phương trong thời gian hiện tại và tương lai.
* Đánh giá sự phù hợp của phương án sử dụng vốn vay và nhu cầu của chủ đầu tư.
* Xác định dự án nằm trong mục tiêu chung của Dự án VIPM, cụ thể dự án có đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội và chiến lược phát triển bền vững của địa phương không?
* Bước 2: Xác định và phân tích khả năng đáp ứng về nguồn lực và ngân sách của QBVMTVN.

Căn cứ vào quy mô và mức độ phức tạp của dự án, QBVMTVN sẽ xác định nguồn lực cần thiết cho việc thẩm định dự án. Trên cơ sở phương án sử dụng vốn vay và kế hoạch dự toán Ngân sách cho Hợp phần 2 vay lại từ NHTG, QBVMTVN sẽ quyết định hạn mức cho vay đối với mỗi dự án. Tuy nhiên, khoản vay tối đa cho mỗi dự án theo cơ chế cho vay của Hợp phần 2 không vượt quá 75% tổng mức đầu tư dự án.

* Bước 3: Điều kiện đầu ra/Cam kết của khách hàng vay vốn.
* Hồ sơ thiết kế trạm XLNTTT phải đảm bảo chất lượng (đạt loại A hoặc B do Sở Tài nguyên và Môi trường (STNMT) kiểm tra và chứng nhận), sao cho nước thải sau xử lý đạt các tiêu chí cần thiết được quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT;
* Chủ đầu tư phải cam kết sẽ vận hành liên tục trạm xử lý nước thải tập trung sau khi xây dựng xong;
* Giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm nguồn nước và tác động tới sức khỏe và môi trường cộng đồng xung quanh.
* Trạm XLNTTT phải tuân chủ chặt chẽ với mục tiêu môi trường và xã hội của Chính phủ Việt Nam và chính sách của NHTG.

## 5.3. Thẩm định tư cách và năng lực pháp lý chủ đầu tư

QBVMTVN sẽ thẩm định tất cả các khía cạnh về năng lực và tư cách pháp lý của chủ đầu tư bao gồm lịch sử hình thành doanh nghiệp, tư cách pháp lý, năng lực sản xuất kinh doanh, nguồn vốn, khả năng quản lý, sản phẩm, thị trường kinh doanh, điều kiện địa lý và mối quan hệ với người lao động. Chi tiết hướng dẫn thẩm định được đính kèm theo Phụ lục số 4. Các vấn đề cần được xem xét bao gồm:

* Đánh giá lịch sử hình thành và phát triển của doanh nghiệp thông qua việc đánh giá sự thay đổi về nguồn vốn, quản lý, công nghệ, sản phẩm và dịch vụ;
* Đánh giá năng lực và tư cách pháp lý của đội ngũ lãnh đạo công ty;
* Đánh giá năng lực của ban lãnh đạo thông qua các khía cạnh sau: khả năng điều hành, khả năng nắm bắt thị trường và sản phẩm, mối quan hệ với nhân viên, khả năng quản lý tài chính, năng lực và tư cách pháp lý;
* Đánh giá tính cạnh tranh và năng lực mở rộng quy mô sản xuất.

Ngoài ra, CBTD cần kiểm tra tính xác thực của các văn bản được liệt kê trong Phụ lục 5 – Danh mục hồ sơ vay vốn, kiểm tra sự phù hợp về ngành nghề ghi trong đăng ký kinh doanh với ngành nghề kinh doanh hiện tại của doanh nghiệp và phương án dự kiến đầu tư; ngành nghề kinh doanh được phép hoạt động, xu hướng phát triển của ngành trong tương lai.

## 5.4. Thẩm định kỹ thuật

Thẩm định kỹ thuật dưa trên tiêu chí kỹ thuật được đưa ra trong Phụ lục số 6. Về cơ bản, thẩm định kỹ thuật cần phải đánh giá được những vấn đề sau:

* Xem xét, đánh giá địa điểm có thuận lợi về mặt giao thông hay không, có gần các nguồn cung cấp nguyên nhiên liệu, điện nước và có nằm trong quy hoạch hay không;
* Xem xét và đánh giá tính thích hợp của công nghệ xử lý, việc lựa chọn thiết bị và máy móc;
* Tổ chức quản lý dự án, công tác đào tạo nhân viên và lao động và chuyển giao công nghệ;
* Việc đảm bảo an toàn, vệ sinh và môi trường khi thực hiện dự án, quản lý chất thải, phòng chống cháy nổ, quản trị rủi ro;
* Tính khả thi của dự án về mặt kinh tế, tài chính, môi trường và xã hội.

## 5.5. Thẩm định tình hình tài chính của doanh nghiệp

5.5.1. Phân tích bảng cân đối kế toán

* Xem xét sự biến động của tổng tài sản cũng như từng loại tài sản thông qua việc so sánh giữa các kỳ khác nhau. Qua đó thấy được sự biến động về quy mô kinh doanh và năng lực kinh doanh của doanh nghiệp.
* Xem xét cơ cấu vốn (vốn được phân bổ cho từng loại) có hợp lý hay không? Cơ cấu vốn tác động nhanh như thế nào đến quá trình kinh doanh? Thông qua việc xác định tỷ trọng của từng loại tài sản trong tổng tài sản, đồng thời so sánh tỷ trọng từng loại giữa các kỳ khác nhau để thấy sự biến động của cơ cấu vốn.
* Xác định mức độ độc lập (hoặc phụ thuộc) về mặt tài chính của doanh nghiệp qua việc so sánh từng loại nguồn vốn giữa các kỳ khác nhau. Đồng thời xác định và so sánh tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng nguồn vốn giữa các kỳ khác nhau.
* Xem xét doanh nghiệp đã có những khoản đầu tư, mua sắm tài sản nào thông qua việc phân tích tình hình khai thác và sử dụng nguồn vốn tài trợ trong các kỳ kế toán.

5.5.2 Phân tích các chỉ tiêu tài chính

CBTD sẽ xác định những điểm mạnh và những điểm yếu hiện tại của một doanh nghiệp thông qua việc tính toán và phân tích những chỉ tiêu tài chính khác nhau sử dụng những số liệu từ các báo cáo tài chính. CBTD cần xác định sự biến động của các chỉ tiêu tài chính thông qua việc so sánh các kỳ kế toán khác nhau và so sánh với số liệu của ngành. Các chỉ tiêu tài chính sau được lựa chọn để phân tích trong báo cáo thẩm định (Xem Mẫu báo cáo thẩm định trong Phụ lục số 3):

* Nhóm chỉ tiêu về lợi nhuận
	+ Mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)
	+ Mức sinh lời trên tài sản (ROA)
	+ Tỷ suất lợi nhuận biên
* Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán
	+ Khả năng thanh toán hiện thời
	+ Khả năng thanh toán nhanh
* Nhóm chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính
	+ Hệ số nợ trên tổng tài sản
	+ Hệ số nợ trên vốn CSH
	+ Hệ số khả nãng thanh toán nợ dài hạn (DSCR)
* Nhóm chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động
	+ Vòng quay hàng tồn kho
	+ Thời gian dự trữ hàng tồn kho
	+ Vòng quay các khoản phải thu
	+ Thời gian thu hồi công nợ
	+ Vòng quay các khoản phải trả

Sau khi phân tích các chỉ số này, CBTD xem xét và đánh giá các chỉ tiêu này dựa trên bộ số liệu tham khảo sẽ được QBVMTVN phối hợp Chuyên gia tín dụng thuê ngoài xây dựng.

5.5.3. Thẩm định tính khả thi của dự án đầu tư khu công nghệp

Nguồn trả nợ cho dự án đầu tư trạm XLNTTT của doanh nghiệp chủ yếu là nguồn lợi nhuận từ dự án đầu tư KCN. Do đó, ngoài việc đánh giá tính khả thi của dự án trạm XLNTTT, CBTD cần phải đánh giá tính khả thi của dự án đầu tư KCN theo các bước sau:

* Bước 1: Đánh giá về tính khả thi của nguồn vốn, cơ cấu vốn đầu tư: Phần này sẽ đưa vào để tính toán chi phí đầu tư ban đầu, cơ cấu nguồn vốn và kế hoạch trả nợ, chi phí hoạt động và mức khấu hao phải trích hàng năm.
* Bước 2: Đánh giá về mặt thị trường, khả năng tiêu thụ sản phẩm và phương án tiêu thụ sản phẩm sẽ đưa vào để tính toán: Mức huy động công suất so với công suất thiết kế, doanh thu dự kiến hàng năm.
* Bước 3: Xác định vốn lưu động, chi phí vận hành và dòng tiền hàng năm.
* Bước 4: Tính toán các chỉ tiêu tài chính.

Trong quá trình đánh giá hiệu quả về mặt tài chính của dự án, có hai nhóm chỉ tiêu chính cần thiết phải đề cập, tính toán cụ thể, gồm có:

**Nhóm chỉ tiêu về tỷ suất sinh lời của dự án:**

* NPV
* IRR
* ROE

**Nhóm chỉ tiêu về khả năng trả nợ:**

* Kế hoạch trả nợ hàng năm.
* Thời gian hoàn trả vốn vay.

## 5.6. An toàn môi trường và xã hội

5.6.1 An toàn môi trường

QBVMTVN sẽ tiến hành các bước đánh giá sau nhằm đảm bảo trạm XLNTTT tuân thủ đúng yêu cầu an toàn môi trường và xã hội của Chính phủ Việt Nam và của NHTG:

* Đánh giá ĐTM của KCN và của trạm XLNTTT về khía cạnh tuân thủ và phù hợp với các quy định của chính phủ Việt Nam, kiểm tra các biện pháp xử lý, các ảnh hưởng tiêu cực và ước lượng tính khả thi của các biện pháp này;
* Kiểm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm các Quyết định của các cơ quan có thẩm quyền về việc phê duyệt đền bù và giải phóng mặt bằng;
* Thẩm định ĐTM của KCN tuân thủ và phù hợp với Khung Quản lý môi trường và xã hội được BKHĐT phê duyệt và thống nhất bởi NHTG;
* Yêu cầu thư không phản đối của NHTG đối với ĐTM và Kế hoạch quản lý môi trường của CĐT.

5.6.2 An toàn xã hội

* Cưỡng chế đất đai:

Trạm XLNTTT chỉ được xây dựng trong phần đất thuộc KCN và thuộc quyền sở hữu của CĐT. NHTG sẽ đánh giá quy mô giải phóng mặt bằng và tình trạng liên quan đến các hoạt động trong khu XLNTTT. Bản đánh giá sẽ đảm bảo các hoạt động về đền bù, giải tỏa và tái định cư phù hợp với quy định của chính phủ Việt Nam và quy định của NHTG. Để đảm bảo như vậy, NHTG sẽ đánh giá với trách nhiệm cao nhất như rà soát và áp dụng các phương pháp đã được nêu cụ thể trong Khung Quản lý môi trường và xã hội của NHTG. Bản đánh giá cũng sẽ đảm bảo rằng Kế hoạch tổng thể về Hỗ trợ và tái định cư, đền bù và giải phóng mặt bằng phải được chứng nhận bởi các cơ quan có thẩm quyền trước tháng 5 năm 2010. Nếu các quy định đã nêu trên không được tuân thủ, phần vi phạm phải được xác định và QBVMTVN cùng NHTG sẽ đưa ra kế hoạch khắc phục, xử lý. Các hoạt động nêu trên phải được chuẩn bị bởi CĐT và thông qua bởi NHTG và được giám sát bởi QBVMTVN.

* Giám sát

Trong việc đánh giá với trách nhiệm cao nhất, BQLDA - QBVMTVN sẽ hỗ trợ QBVMTVN giám sát các vấn đề liên quan đến đền bù và tái định cư. Khi CĐT đưa ra các biện pháp khắc phục, QBVMTVN cũng phải giám sát biện pháp này cho đến khi các vấn đề được xử lý một cách triệt để. NHTG cũng sẽ tiến hành song song việc giám sát.

5.6.3 Thuê chuyên gia an toàn xã hội và môi trường

Trong quá trình thẩm định, theo yêu cầu của NHTG, BQLDA - QBVMTVN sẽ thuê một chuyên gia an toàn xã hội và môi trường để đánh giá các tác động môi trường và xã hội cũng như việc đáp ứng yêu cầu về đền bù, tái định cư của dự án. Chuyên gia an toàn xã hội và môi trường sẽ làm việc trong BQLDA - QBVMTVN cùng với 3 vị trí chuyên gia khác (Tư vấn Tín dụng, Kế toán và Hỗ trợ dự án). Chuyên gia an toàn xã hội và môi trường chịu sự giám sát của Điều phối viên dự án và quản lý bởi Giám đốc BQLDA. Các nhiệm vụ cụ thể của chuyên gia an toàn xã hội và môi trường được quy định cụ thể Phụ lục 13 - Điều khoản tham chiếu của chức danh chuyên gia an toàn xã hội và môi trường). Sau đây là hai nhiệm vụ chính:

* Chứng nhận trạm XLNTT tuân thủ với yêu cầu an toàn về môi trường và xã hội của Chính phủ Việt Nam và của NHTG;
* Chuẩn bị các báo cáo trình lên Giám đốc QBVMTVN và NHTG.

## 5.7. Đánh giá tính khả thi và rủi ro của dự án đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung

5.7.1 Đánh giá tính khả thi dự án

Bên cạnh tính khả thi về kỹ thuật và tài chính của dự án, CBTD cần xem xét thêm một số vấn đề sau:

* Nguồn vốn cho dự án: Xem xét, đánh giá nguồn vốn của dự án và nguồn vốn dự phòng. Trong trường hợp QBVMTVN không cấp tín dụng hoặc chỉ cấp một phần tín dụng thì liệu dự án có thể thực hiện được hay không?
* Tiến độ thực hiện: Dự án có thể bị trì hoãn hoặc không thể được thực hiện do các tác động khác nhau. Do đó, CBTD cần đánh giá tổng thể các tác động lên dự án theo các góc độ khác nhau như các vấn đề về chính sách, pháp lý.
* Năng lực vận hành: Xem xét các vấn đề có thể ảnh hưởng đến sự hoạt động của trạm XLNTTT. Ví dụ: nhà máy xử lý nước thải tập trung có vận hành hay không khi mà dòng xả thải ít do chủ đầu tư không thu hút được các nhà đầu tư vào thuê đất. Nhân tố khác cần xem xét đó là năng lực điều hành dự án.
* Các vấn đề khác: chi phí xử lý phục hồi và lợi ích kinh tế mang lại, phát triển bền vững về mặt xã hội và môi trường.

5.7.2 Đánh giá rủi ro

Đối với mỗi dự án có thể phát sinh những rủi ro khác nhau. Tùy tình hình thực tế, CBTD được yêu cầu đánh giá những rủi ro khác nhau, có thể bao gồm nhưng không hạn chế những loại rủi ro sau:

* Rủi ro về tiến độ thực hiện: Hoàn tất dự án không đúng thời hạn, không phù hợp với các thông số và tiêu chuẩn thực hiện. Cần phân tích các biện pháp giảm thiểu rủi ro:
	+ Lựa chọn nhà thầu xây dựng uy tín, có sức mạnh tài chính và kinh nghiệm;
	+ Theo dõi sát sao kế hoạch triển khai dự án và giám sát;
	+ Ký hợp đồng kinh tế cung cấp thiết bị hoặc xây lắp có giá cố định hoặc hợp đồng chìa khoá trao tay với sự phân chia rõ ràng nghĩa vụ của các bên.
* Rủi ro về khả năng trả nợ: Nguồn trả nợ của CĐT chủ yếu là nguồn thu từ việc cho thuê đất của dự án đầu tư KCN và phí xử lý nước thải của trạm XLNTTT. Do đó, CBTD cần phân tích được các rủi ro về dòng tiền, về mặt quản lý KCN có thế xảy ra đối với CĐT:
	+ Đánh giá khả năng thu hút các đơn vị thuê đất tại KCN. Liệu có rủi ro gì xảy ra làm cho các đơn vị ngừng thuê đất hay không?
	+ Trên cơ sở các đơn vị thuê đất tại KCN và kế hoạch kinh doanh của đơn vị, xem xét rằng liệu nguồn thu từ việc thuê đất có ổn định hay không? Có thể xảy ra chiều hướng xấu dẫn tới nguồn thu giảm dần không?
	+ Đánh giá sợ bộ khả năng trả tiền thuê đất của các đơn vị này.
	+ Đánh giá về mức độ xả thải của các doanh nghiệp thuộc KCN trong hiện tại và tương lai. Liệu nguồn tiền thu được từ phí xử lý nước thải có ổn định không?
	+ Ngoài ra, các yếu tố vĩ mô cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng cho thuê đất của KCN.
* Rủi ro về môi trường và xã hội: Dự án có thể gây tác động tiêu cực đối với môi trường và dân cư xung quanh. Biện pháp giảm thiểu rủi ro:
	+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường phải khách quan và toàn diện, được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản;
	+ Tuân thủ các quy định về môi trường.
	+ Theo yêu cầu của NHTG, BQLDA – QBVMTVN sẽ thuê một chuyên gia về an toàn xã hội và môi trường nhằm đánh giá việc tuân thủ Khung Quản lý môi trường và xã hôi của CĐT.
* Rủi ro kinh tế vĩ mô: Rủi ro phát sinh từ môi trường kinh tế vĩ mô, bao gồm tỷ giá hối đoái, lạm phát, lãi suất, v.v…

## 5.8. Thẩm định tài sản bảo đảm

5.8.1 Tài sản bảo đảm

Tài sản bảo đảm là tài sản hiện có của CĐT hoặc tài sản hình thành trong tương lai mà pháp luật không cấm giao dịch. CĐT có thể sử dụng một trong hai loại tài sản này để đảm bảo cho khoản vay từ QBVMTVN.

Tài sản hình thành trong tương lai của dự án đầu tư trạm XLNTTT là tài sản được hình thành từ vốn vay, bao gồm các hạng mục sau: công trình XLNTTT, hệ thống đường ống, hệ thống xả thải, trạm quan trắc tự động và các hạng mục khác thuộc dự án đầu tư trạm XLNTTT. Thời điểm hình thành tài sản là thời điểm CĐT đã hoàn thành xây dựng, lắp đặt xong trạm XLNTTT, có đầy đủ hồ sơ quyết toán với các nhà thầu gửi tới QBVMTVN và trạm XLNTTT có đủ điều kiện để vận hành.

CĐT có nghĩa vụ tạo điều kiện để QBVMTVN thực hiện quyền giám sát, kiểm tra quá trình hình thành tài sản bảo đảm. Việc giám sát, kiểm tra của QBVMTVN sẽ không cản trở hoặc gây khó khăn cho việc hình thành tài sản bảo đảm.

CĐT phải có trách nhiệm bảo quản tài sản tài sản thế chấp (bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay và các loại tài sản thế chấp hợp pháp khác). Trong trường hợp tài sản bảo đảm bị hư hỏng, mất giá trị hoặc giảm sút giá trị thì bên vay phải thông báo ngay cho QBVMTVN và phải sửa chữa, bổ sung hoặc thay thế tài sản khác có giá trị tương đương.

5.8.2 Quy trình thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay

Quy trình thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay được mô tả tại Sơ đồ 5. Trong quá trình thẩm định và trước khi tài sản bảo đảm được hình thành, QBVMTVN sẽ thuê Công ty Thẩm định giá có chứng chỉ để định giá tài sản. Việc chọn công ty sẽ được dựa trên danh sách các công ty thẩm định giá có uy tín và được công bố hàng năm của BTC[[8]](#footnote-8). Nhiệm vụ của đơn vị thẩm định giá bao gồm:

Xác nhận giá trị tài sản bảo đảm để đưa ra mức giá trị tối thiểu;

Phát hành chứng thư thẩm định giá.

Dựa theo kết quả trên, QBVMTVN sẽ tiến hành:

Lập Biên bản đánh giá giá trị tài sản bảo đảm;

Xác định mức cho vay dựa trên tỷ lệ an toàn giữa tài sản bảo đảm và khoản vay ít nhất 100%;

Ký Hợp đồng thế chấp.

Quy trình thẩm định tài sản hiện có của CĐT dùng để bảo đảm cho khoản vay tại QBVMTVN cũng tương tự sơ đồ 5, trừ bước đánh giá lại giá trị tài sản bảo đảm.

**Sơ đồ 5: Thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay**

**Có**

Chủ đầu tư

QBVMTVN

Tổ chức thẩm định giá

Thẩm định giá trị tài sản

Ký kết hợp đồng thế chấp

Đăng ký giao dịch bảo đảm

Chủ đầu tư

QBVMTVN

Thay đổi giá trị tài sản

Ký kết phụ lục hợp đồng thế chấp

Tài sản chưa hình thành

Tài sản đã hình thành

## 5.9. Phê duyệt và ký kết các hợp đồng

5.9.1 Quyết định phê duyệt cho vay

Sơ đồ 2 Quy trình thẩm định dự án đã bao gồm các bước phê duyệt dự án, cụ thể như sau:

1. Giai đoạn thẩm định sơ bộ: Dự án vay vốn được Bộ phận Tín dụng tiếp nhận để thẩm định. Sau khi dự án được Trưởng bộ phận Tín dụng trình Giám đốc QBVMTVN phê duyệt, QBVMTVN sẽ báo cáo NHTG. Sau đó, NHTG thực hiện đánh giá về tình trạng triển khai kế hoạch đền bù, giải phóng mặt bằng, ĐTM và kế hoạch đấu thầu của CĐT. Nếu đạt các yêu cầu trên, NHTG sẽ phát hành thư không phản đối. Tiếp theo, QBVMTVN sẽ tiến hành thẩm định thực tế.
2. Giai đoạn thẩm định thực tế:
* Bước 1: Lập kế hoạch thẩm định thực tế và thông báo tới CĐT.
* Bước 2: Tiến hành thẩm định thực tế bao gồm kiểm tra tài sản bảo đảm tiền vay.
* Bước 3: CBTD chuẩn bị báo cáo thẩm định thực tế, trình Trưởng bộ phận Tín dụng trước khi trình lên Hội đồng Tín dụng (HĐTD).
* Bước 4: HĐTD sẽ yêu cầu bộ phận Tín dụng chỉnh sửa nội dung hoặc thu thập thêm thông tin để làm rõ các vấn đề còn vướng mắc (nếu cần thiết).
* Bước 5: Giám đốc QBVMTVN phê duyệt báo cáo thẩm định cuối cùng.
* Bước 6: Lấy ý kiến các thành viên HĐQL nếu giá trị khoản vay trên 15 tỷ đồng[[9]](#footnote-9). Sau thời gian 07 ngày kể từ khi trình, QBVMTVN tổng hợp ý kiến các thành viên HĐQL, trình Chủ tịch HĐQL xem xét. Đối với các khoản vay dưới 15 tỷ đồng thì sẽ không thực hiện bước này.
* Bước 7: Lấy ý kiến BTC. Sau thời gian 05 ngày kể từ khi trình, nếu BTC không có ý kiến, Giám đốc QBVMTVN ra quyết định cho vay. Nếu BTC có ý kiến yêu cầu QBVMTVN giải trình hoặc bổ sung thông tin, Giám đốc Quỹ sẽ chỉ đạo Bộ phận Tín dụng thực hiện theo yêu cầu.
* Bước 8: Giám đốc QBVMTVN sẽ chỉ đạo Trưởng bộ phận Tín dụng tiến hành các nhiệm vụ tiếp theo bao gồm gửi thông báo đển khách hàng vay vốn và chuẩn bị các thủ tục để ký hợp đồng[[10]](#footnote-10).

5.9.2 Ký kết các hợp đồng

Hợp đồng cho vay lại giữa QBVMTVN và CĐT sẽ có hiệu lực khi các bên ký hợp đồng. (nội dung theo phần 3, Phụ lục 9 Quy trình cho vay ưu đãi, ban hành kèm theo Quyết định 65 của QBVMTVN)

* Bước1: CBTD chuẩn bị dự thảo Hợp đồng cho vay lại, hợp đồng thế chấp và Phụ lục Hợp đồng “Chi tiết sử dụng vốn vay” trình Trưởng bộ phận Tín dụng trước khi trình lên Giám đốc. (Tham khảo Phụ lục 7, 8 về mẫu Hợp đồng).
* Bước 2: Ký kết hợp đồng và phụ lục hợp đồng giữa Giám đốc và đại diện theo pháp luật của CĐT.
* Bước 3: CBTD hoàn thiện tất cả thông tin trong hợp đồng (số hợp đồng, ngày tháng, phụ lục…) và gửi đến các bên liên quan.
* Bước 4: CBTD hướng dẫn CĐT đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Giao dịch Bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp. CBTD tiếp nhận hồ sơ đăng ký đăng ký giao dịch bảo đảm để lưu trữ.
* Bước 5: CBTD vào sổ hợp đồng, lưu trữ hồ sơ vay vốn và các giấy tờ ký kết

Thời gian dự kiến hoàn thiện quá trình này là 7 ngày.

## 5.10. Giải ngân

5.10.1 Quy trình giải ngân theo cơ chế dựa trên kết quả đầu ra (PBF-performance-based financing)

QBVMTVN sẽ giải ngân theo cơ chế PBF và căn cứ vào tiến độ sử dụng vốn của dự án vay vốn. Theo cơ chế PBF, CĐT sẽ phải đầu tư ít nhất 25% tổng mức đầu tư của dự án trước khi được giải ngân vốn vay đợt một.

Sơ đồ 3 mô tả quy trình giải ngân. Dự kiến thời gian hoàn tất giải ngân đợt 1 là 20 ngày kể từ khi CĐT nộp hồ sơ giải ngân đến QBVMTVN cho tới khi khoản tiền giải ngân của đợt 1 được chuyển tới tài khoản của đơn vị hưởng lợi (CĐT hoặc nhà thầu). Sau đó, QBVMTVN và CĐT sẽ ký phụ lục hợp đồng “Lịch biểu trả nợ”.

**Sơ đồ 6: Các giai đoạn giải ngân**

**1**

**2**

**3**

Ký HĐ vay vốn với CĐT

 Thẩm định khối lượng đã được đầu tư

CĐT đầu tư bằng vốn đối ứng (=25% TMĐT)

Lần 1: Giải ngân 50% vốn vay (=37.5% TMĐT)\*

Thẩm định công trình hoàn thành

Thư cam kết của CĐT

Lần 2: Giải ngân 40% vốn vay

Lần 3: Giải ngân 10% vốn vay còn lại

Năm 1 ( năm xây dựng)

 Năm 2 (năm hoạt động đầu tiên)

\* Giải ngân sau khi thực hiện được >= 25% TMĐT.

Hoàn thành trạm XLNTTT

* Giải ngân đợt 1: Sau khi QBVMTVN thẩm định 25% khối lượng đã được đầu tư, QBVMTVN sẽ giải ngân 50% tổng số vốn dự tính cho vay cho CĐT.
* Giải ngân đợt 2: Sau khi CĐT đã hoàn thành xây dựng công trình trạm XLNTTT, QBVMTVN sẽ thẩm định khối lượng hoàn thành, và giải ngân đợt 2 cho CĐT. Số tiền giải ngân đợt này sẽ là 40% tổng số vốn dự tính cho vay.
* Giải ngân đợt 3: Sau khi nhà máy XLNTTT đã đi vào hoạt động ổn định và CĐT gửi thư cam kết đến QBVMTVN về việc tuân thủ đầy đủ các quy định về môi trường theo Hợp phần 2 đặt ra, QBVMTVN sẽ giải ngân lần cuối (10%). QBVMTVN sẽ có quy trình hợp tác với TCMT trong việc giám sát sự tuân thủ quy định môi trường của trạm XLNTTT.

Ngoài ra, chủ đầu tư cần nộp báo cáo xả thải và giấy phép xả thải khi được cơ quan quản lý môi trường thuộc STNMT cấp. STNMT sẽ cấp giấy phép xả thải khi trạm XLNTTT đã vận hành đạt yêu cầu và tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường. Nếu chủ đầu tư không thực hiện nộp giấy phép xả thải trong thời gian quy định, QBVMTVN có thể sẽ yêu cầu CĐT trả nợ trước hạn.

5.10.2 Các chi phí hợp lệ và không hợp lệ

Các hạng mục sau được coi là chi phí hợp lệ để QBVMTVN giải ngân vốn vay cho CĐT. Các chi phí đầu tư hợp lệ của dự án đầu tư trạm XLNTTT bao gồm:

* Chi phí tư vấn và thiết kế dự án;
* Chi phí quản lý dự án;
* Chi phí liên quan đến việc mở rộng hay hoàn thành hệ thống thu gom và xả thải tại KCN;
* Chi phí xây dựng cơ bản theo quy định của Chính phủ bao gồm:
	+ - Chi phí xây dựng công trình;
		- Chi phí bổ sung và chi phí xây dựng hạng mục tạm thời;
		- Chi phí cho việc xây dựng lán trại tạm thời và nhà ở của Ban quản lý dự án, tư vấn giám sát và nhà thầu xây dựng.
* Chi phí thiết bị (máy móc);
* Chi phí đầu tư Hệ thống quan trắc tự động.

5.10.3 Xử lý các vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng vay vốn, QBVMTVN sẽ sử dụng thông tin về tình trạng hoạt động của trạm XLNTTT do STNMT và Cảnh sát môi trường cung cấp nhằm theo dõi và giám sát việc sử dụng vốn vay. Nếu CĐT không thực hiện theo đúng mục tiêu và quy định của Chính phủ về môi trường và xã hội, QBVMTVN sẽ có biện pháp tài chính để xử phạt.

Nếu CĐT vi phạm quy định bảo vệ môi trường theo Nghị định số 117/2009/NĐ-CP về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường.và bị phát hiện trong quá trình thanh tra của thanh tra STNMT, CĐT sẽ nhận được biên bản thanh tra vi phạm. Thanh tra STNMT sẽ ra quyết định xử phạt, theo đó CĐT bị yêu cầu nộp phạt và tiến hành các biện pháp khắc phục vi phạm trong thời hạn do STNMT ấn định trong quyết định xử phạt.

Nếu CĐT không khắc phục vi phạm trong thời hạn nói trên và có công văn của thanh tra STNMT, QBVMTVN sẽ tiến hành các bước sau:

1. Trong trường hợp vi phạm các điều khoản về việc xả thải hay gây ra ô nhiễm nguồn nước của Nghị định số 117/2009/NĐ-CP, quyết định xử phạt của thanh tra STNMT sẽ được tính là bằng chứng của việc vi phạm và QBVMTVN sẽ thay đổi điều khoản cho vay như sau:
* Nếu vi phạm lần một, QBVMTVN sẽ yêu cầu CĐT trả nợ sớm hơn 2 năm.
* Nếu vi phạm lần hai, CĐT sẽ phải trả cả gốc và lãi sớm hơn 4 năm
* Nếu vi phạm lần ba, CĐT sẽ phải trả QBVMTVN toàn bộ khoản vay còn lại.
1. Trong trường hợp vi phạm các điều khoản khác của Nghị định số 117/2009/NĐ-CP, QBVMTVN sẽ xử phạt khi CĐT không thể thực hiện được trách nhiệm của mình trong thời hạn đã được nêu trong công văn thông báo vi phạm. QBVMTVN sẽ gửi công văn lên NHTG thông báo CĐT không thực hiện đúng các điều khoản về an toàn xã hội. Tại thời điểm QBVMTVN nhận được công văn thông báo vi phạm của từ thanh tra STNMT, QBVMTVN sẽ tiến hành xử phạt theo như trường hợp A.

Cơ chế xử phạt sẽ nằm trong Hợp đồng cho vay lại được ký giữa QBVMTVN và CĐT nhằm đảm bảo trạm XLNTTT sẽ tuân thủ theo đúng các quy định về môi trường và xã hội của Chính phủ.

Ngoài ra, QBVMTVN yêu cầu CĐT cung cấp các báo cáo tài chính hàng quý và các báo cáo về tình hình hoạt động của trạm thường xuyên. QBVMTVN sẽ theo dõi chặt chẽ quá trình giám sát và đánh giá (Mục 8.3) và hợp tác với các cơ quan môi trường có thẩm quyền tại 04 tỉnh, cập nhập thường xuyên thông tin về sự hoạt động của trạm nhằm đảm bảo các yêu cầu đưa ra đều được đáp ứng đầy đủ.

5.10.4 Nguyên tắc và quy trình giải ngân

Từng lần rút vốn, CĐT lập bộ Hồ sơ đề nghị rút vốn vay gửi QBVMTVN để được xem xét giải ngân khoản vay. Việc giải ngân vốn vay sẽ dựa trên cơ sở đã đầy đủ chứng từ căn cứ pháp lý và QBVMTVN sẽ chỉ giải ngân khi CĐT đã thanh toán vốn đối ứng (tương đương khối lượng 25% tổng dự toán) và được QBVMTVN kiểm tra thực tế. Mức giải ngân không vượt quá tổng số tiền CĐT được vay.

Khoản vay sẽ được giải ngân bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản CĐT hoặc nhà thầu (nếu như bên vay có yêu cầu) theo lịch giải ngân được mô tả trong mục 5.10.1 ở trên và khi Bên vay:

* Xuất trình đầy đủ các chứng từ chứng minh việc Bên vay đã thanh toán (một phần hoặc toàn bộ) giá trị khối lượng hoàn thành của dự án cho đơn vị thầu thi công dự án.
* Có kết quả kiểm tra thực tế trước giải ngân.

Việc giải ngân sẽ được thực hiện theo cơ chế tài chính PBF. Nội dung chi tiết của cơ chế này bao gồm điều kiện giải ngân, kế hoạch và các hồ sơ cần thiết khác được mô tả tại Phụ lục 11 và 12.

5.10.5 Kiểm tra thực tế trước giải ngân

Bộ phận Tín dụng kết hợp với các bộ phận chuyên môn liên quan khác đi kiểm tra thực tế trước mỗi đợt giải ngân để xác định khối lượng thực tế của trạm XLNTTT. Thành phần đoàn công tác bao gồm:

* Trưởng Bộ phận Tín dụng
* 1 CBTD phụ trách dự án
* 1 cán bộ kế toán
* 1 cán bộ quản trị rủi ro
* 1 cán bộ kiểm tra công trình

# VI. Quản lý khoản vay

## 6.1. Quản lý, lưu trữ hồ sơ

6.1.1 Trước khi giải ngân

Sau khi Hợp đồng cho vay lại được ký kết giữa QBVMTVN và CĐT, CBTD sẽ hoàn thiện bộ hồ sơ dự án cho vay. Yêu cầu bộ hồ sơ phải đầy đủ những tài liệu sau **(*cả bản cứng và bản mềm)*:**

* Nhật ký thẩm định
* Mục lục
* Các giấy tờ phê duyệt vay vốn, 01 bản gốc Hợp đồng cho vay lại và các phụ lục hợp đồng
* Hồ sơ dự án
* Hồ sơ pháp lý
* Hồ sơ tài chính
* Hồ sơ đảm bảo tiền vay (mô tả TSBĐ, các giấy tờ pháp lý, biên bản định giá tài sản)
* Biên bản làm việc với CĐT
* Biên bản đi thẩm định thực tế
* Các văn bản, thông báo của QBVMTVN gửi CĐT
* Các văn bản CĐT gửi QBVMTVN

Hồ sơ sẽ được đánh số, dán nhãn và lưu trữ theo quy định của QBVMTVN về bảo quản và lưu trữ hồ sơ.

6.1.2 Sau khi giải ngân

Chi tiết các tài liệu trong hồ sơ giải ngân được quy định trong Hợp đồng cho vay lại giữa QBVMTVN và CĐT. Hồ sơ giải ngân được CBTD, cán bộ quản trị rủi ro và cán bộ kế toán kiểm tra và thẩm định. Sau khi giải ngân bộ hồ sơ giải ngân gốc được lưu ở Phòng Tài chính Kế toán. Hai bộ phận còn lại lưu bản sao.

**6.2. Thu hồi nợ**

Căn cứ theo nội dung thẩm định tư cách, năng lực, tình hình tài chính, tính khả thi và rủi ro của dự án vay vốn, QBVMTVN sẽ thỏa thuận với khách hàng vay, thời hạn trả gốc và lãi vốn vay.

Căn cứ lịch biểu trả nợ, CBTD sẽ gửi công văn thông báo nợ đến CĐT 15 ngày trước ngày đến hạn trả nợ. Trường hợp CĐT không trả nợ đúng hạn, CBTD sẽ đôn đốc, nhắc nhở CĐT trả nợ.

Trường hợp CĐT không thể trả được nợ gốc hoặc lãi vay đến kỳ phải trả do những nguyên nhân khách quan thì phải có “Giấy đề nghị gia hạn nợ” cùng các giấy tờ liên quan gửi tới Bên cho vay để xem xét xử lý.

## 6.3. Phân loại nợ

Theo quy định hiện hành của NHNN về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, các khoản nợ ở QBVMTVN được phân thành 05 nhóm như sau:

Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) bao gồm:

* Các khoản nợ trong hạn và tổ chức tín dụng đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng hạn;
* Các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và tổ chức tín dụng đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ gốc và lãi đúng thời hạn còn lại.

Nhóm 2 (Nợ cần chú ý) bao gồm:

* Các khoản nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày;
* Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu (đối với khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức thì tổ chức tín dụng phải có hồ sơ đánh giá khách hàng về khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và lãi đúng kỳ hạn được điều chỉnh lần đầu).

Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) bao gồm:

* Các khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày;
* Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu, trừ các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu phân loại vào nhóm 2 (từ 10 ngày đến 90 ngày);
* Các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng.

 Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) bao gồm:

* Các khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày;
* Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu;
* Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai.

Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) bao gồm:

* Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày;
* Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu;
* Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai;
* Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn;
* Các khoản nợ khoanh, nợ chờ xử lý.

## 6.4. Xử lý nợ xấu (NPLs)

6.4.1 Nguyên tắc xử lý nợ xấu

Nếu đến kỳ trả nợ mà khách hàng vay vốn không trả được nợ gốc hoặc lãi và khoản nợ đó không được điều chỉnh kì hạn nợ vay hoặc không được gia hạn nợ trong ít nhất 91 ngày kể từ ngày đến hạn trả nợ thì khoản nợ đó được phân loại là nợ xấu. Bởi vậy, xử lý nợ xấu bao gồm việc phân loại nợ thành Nhóm 3, 4, 5. Các điều khoản cơ bản của việc xử lý nợ xấu được mô tả theo các bước sau:

* Bước 1: QBVMTVN cử nhóm cán bộ đi tái thẩm định dự án nhằm phát hiện những nguyên nhân và ảnh hưởng của việc không trả được nợ.
* Bước 2: Dựa trên báo cáo tái thẩm định, CBTD và cán bộ quản trị rủi ro chuẩn bị đề xuất lên Lãnh đạo QBVMTVN các bước xử lý tiếp theo.
* Bước 3: Giám đốc QBVMTVN phê duyệt phương án xử lý, trình lên BTC. BTC sẽ triệu tập cuộc họp lấy ý kiến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản các cơ quan liên quan (BQLDA-BKHĐT, các vụ có liên quan tại BTC…).
* Bước 4: Dựa trên ý kiến tổng hợp được, BTC sẽ có 2 phương án xử lý i) Chỉ đạo QBVMTVN thực hiện phương án xử lý nợ hoặc ii) Chuẩn bị tờ trình lên Thủ tường Chính phủ cho ý kiến chỉ đạo đối với các vấn đề vượt thẩm quyền.
* Bước 5 (nếu cần thiết): Thủ tướng CP ra quyết định xử lý nợ đối với CĐT và chỉ đạo BTC hướng dẫn QBVMTVN thực hiện phương án xử lý nợ.

6.4.2 Quy trình xử lý nợ xấu (NPL) tại QBVMTVN

Căn cứ chỉ đạo của BTC và Thủ tướng, QBVMTVN sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết để xử lý nợ như sau (Sơ đồ 7):

**Sơ đồ 7: Quy trình xử lý nợ xấu**

(4)

(1)

(2)

(3)

Phát mại tài sản

Nhận diện các dấu hiệu cảnh báo về các khoản nợ

Thu thập thông tin và phân tích tình hình qua các nhóm dấu hiệu

Phân loại nợ

Biện pháp phòng ngừa

Biện pháp khắc phục

Biện pháp xử lý

Các biện pháp khuyến khích trả nợ

Khởi kiện

Cơ cấu nợ

Hoàn thiện hồ sơ pháp lý

Rà soát TSĐB

Quản lý, giám sát khoản vay

Nhóm 2

Nhóm 3, 4, 5

Bán đấu giá công khai

**Diễn giải:**

* Bước 1: Xác định dấu hiệu cảnh báo:

CBTD luôn phải theo dõi, giám sát khoản vay để nhận diện rủi ro, qua đó có những giải pháp tối ưu giúp ngăn ngừa và xử lý các khoản tín dụng có rủi ro (Hàng tháng, các báo cáo được cập nhập vào Hệ thống máy chủ của QBVMTVN và được quản lý bởi một kế toán của BQLDA - QBVMTVN. Do vậy, các cán bộ sẽ nắm bắt được các dấu hiệu cảnh báo sớm nhằm ngăn chặn rủi ro xảy ra).

* Bước 2: Thu thập thông tin và phân tích:

Các dấu hiệu liên quan đến mối quan hệ với các tổ chức tín dụng khác và với QBVMTVN, các dấu hiệu liên quan đến phương pháp quản lý, tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng. Khi đã xác định được những dấu hiệu này, CBTD phải lập tức đánh giá tính nghiêm trọng và tìm ra nguyên nhân gây rủi ro.

Trong trường hợp khách hàng vay vốn không trả được một phần nợ, phần còn lại sẽ được coi là khoản phải truy thu và CBTD sẽ tiến hành các bước sau:

* + Yêu cầu khách hàng trả lại khoản vay sớm nhất bằng việc gửi thông báo hoặc đến trực tiếp trụ sở của khách hàng.
	+ Nếu phần truy thu vẫn không được trả đúng hạn, CBTD sẽ yêu cầu khách hàng gặp mặt trực tiếp với Trưởng bộ phận Tín dụng và Giám đốc (nếu cần thiết) để thương lượng lại thời gian và cách thức trả nợ.
	+ Sau khi áp dụng các bước trên mà khách hàng vẫn không trả được nợ, CBTD sẽ báo cáo lên các cấp lãnh đạo để có biện pháp xử lý.

Khoản truy thu sẽ được coi là nợ quá hạn và sẽ bị áp dụng mức lãi suất quá hạn.

* Bước 3: Phân loại nợ

Bộ phận tín dụng chịu trách nhiệm phân loại nợ theo 5 nhóm theo [Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng](http://luatvietnam.vn/VL/662/Quyet-dinh-182007QDNHNN-cua-Ngan-hang-Nha-nuoc-ve-viec-sua-doi-bo-sung-mot-so-dieu-cua-Quy-dinh-ve-p/714C2E0D-343E-4FB6-A546-371D8AEFB29D/default.aspx). Bộ phận Quản trị rủi ro (QTRR) và bộ phận TCKT sẽ cung cấp hướng dẫn và giám sát việc phân loại nợ.

* Bước 4: Thực hiện các phương pháp phòng ngừa cần thiết cho nợ Nhóm 2
* Giám sát và quản lý nợ: CBTD phải thu thập các báo cáo tài chính gần nhất, thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các thông tin liên quan khác.
* Tiến hành kiểm tra TSBĐ: CBTD phải thường xuyên, bất chợt kiểm tra thực tế để kiểm tra tài sản bảo đảm. Giá trị tài sản có thể được tính lại nếu cần thiết.
* Bước 5: Áp dụng các biện pháp khắc phục đối với nợ từ Nhóm 2 trở lên

Tái cơ cấu nợ: Việc tái cơ cấu nợ sẽ được phân tích và đưa ra ý kiến bởi QBVMTVN. Dựa vào tính chất của nợ, CBTD sẽ trình các phương pháp khác nhau như giãn nợ, khoanh nợ, kiện khách hàng vay vốn, bán tài sản thế chấp hay xóa nợ.

* Bước 6: Áp dụng các phương pháp xử lý nợ từ Nhóm 2 trở lên
* Khách hàng vay vốn được yêu cầu bán các tài sản khác để trả nợ: QBVMTVN sẽ thuyết phục khách hàng tự nguyện bán tài sản để trả nợ. QBVMTVN có thể đưa ra một số khuyến khích như giảm lãi suất hay miễn giảm, xóa lãi suất quá hạn, tính lại mức lãi suất giúp khách hàng trả được nợ.
* Khởi kiện khách hàng vay vốn: Nếu áp dụng phương pháp trên không thành công và khách hàng vẫn không trả được hết nợ, QBVMTVN sẽ xin ý kiến từ BTC để khởi kiện khách hàng ra tòa. QBVMTVN sẽ hoàn thành các thủ tục pháp lý cần thiết ngay khi nhận được quyết định đồng ý của BTC.
* Bán đấu giá tài sản thế chấp: Trong trường hợp cả hai phương pháp trên không thành công, QBVMTVN sẽ trình BTC và NHTG bán tài sản thế chấp theo đúng quy định hiện hành.
* Các biện pháp khác do BTC quy định.

# VII. Quản trị rủi ro

Rủi ro là xác suất xảy ra những bất ổn hoặc giá trị tiêu cực. Rủi ro luôn gắn liền với hoạt động của ngân hàng và các tổ chức tài chính. Các tổ chức tài chính không tránh được rủi ro mà có các biện pháp để giảm thiểu rủi ro một cách hợp lý.

Đối với dự án này, QBVMTVN không chịu rủi ro tín dụng. Tuy nhiên, QBVMTVN vẫn phải đảm bảo tiến hành cho vay dự án với trách nhiệm cao nhất, đảm bảo tính minh bạch và có quy trình QTRR phù hợp với mô hình hoạt động của BQLDA - QBVMTVN. Ngoài rủi ro tín dụng, QBVMTVN cần phải đánh giá các loại rủi ro khác như rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất (do BTC có thể giảm lãi suất khi thị trường thay đổi), và rủi ro hoạt động. Nhằm hỗ trợ việc triển khai dự án, phần sau đây sẽ đề cập chi tiết việc quản trị rủi ro tại QBVMTVN.

## 7.1. Thành lập bộ phận QTRR

Bộ phận QTRR của QBVMTVN chịu trách nhiệm quản trị rủi ro cho danh mục dự án. Nhằm giúp hoạt động QTRR đạt kết quả tối ưu, bộ phận QTRR sẽ được lập và hoạt động với các nhiệm vụ chính như sau:

* Xây dựng sổ tay phân tích tín dụng cho hoạt động cho vay đầu tư trạm XLNTTT;
* Đánh giá và rà soát quy trình tín dụng, xác định các loại rủi ro, đo lường định tính và định lượng rủi ro, báo cáo và đề xuất phương án khắc phục.

**Sơ đồ 8: Cơ cấu hoạt động của bộ phận QTRR**

Giám đốc

QBVMTVN

Kiểm soát nội bộ

&

BQLDA - QBVMTVN

&

Bộ phận hỗ trợ

Phòng tài chính kế toán

Bộ phận QTRR

Phòng Tín dụng đầu tư

Phòng CDM

Phòng Tài trợ

- Thu lệ phí bán/chuyển CERs

- Trợ giá điện từ năng lượng sạch

Phản hồi thông tin

Tài trợ dự án, chương trình liên quan đến việc bảo vệ môi trường Việt Nam

- Thẩm định

- Đánh giá RRTD

- Quản lý khoản vay

- Xử lý nợ xấu

QTRR

QTRR

QTRR

## 7.2. Các loại rủi ro và phương pháp quản trị rủi ro

7.2.1. Rủi ro tín dụng

RRTD là rủi ro chiếm tỷ lệ cao nhất trong hoạt động của QBVMTVN. Mất khả năng trả nợ của một bộ phận khách hàng có thể dẫn đến tổn thất lớn cho QBVMTVN. Đối với hoạt động dự án, BTC sẽ chịu RRTD nhưng QBVMTVN cũng cần quản trị RRTD một cách rõ ràng và hiệu quả cho Nhà nước bằng các bước sau:

**Sơ đồ 9: Quy trình QTRRTD**

 *Nhận hồ sơ Ký hợp đồng Kết thúc dự án* Chuẩn bị hồ sơ giải ngân

**Bộ phận QTRR**

- Áp dụng Hệ thống cảnh báo sớm;

- Đánh giá RRTD ở mức danh mục cho vay;

- Theo dõi quá trình quản lý khoản vay;

- Rà soát lại các báo cáo trước;

- Tham gia xử lý khoản nợ xấu;

- Đưa ra các giải pháp;

- Báo cáo lãnh đạo .

**Cán bộ tín dụng**

- Đánh giá RRTD của từng dự án dựa trên Sổ tay quản trị RRTD

- Tiến hành chấm điểm và phân hạng tín dụng;

- Báo cáo lên Bộ phận QTRR.

**Bộ phận QTRR**

- Xem xét lại báo cáo RRTD của cán bộ TD;

- Xem xét lại việc chấm điểm/xếp hạng tín dụng;

- Đánh giá ảnh hưởng một khoản vay đến toàn bộ danh mục cho vay;

- Lập mức rủi ro mục tiêu;

- Báo cáo lãnh đạo.

(5)

**Cán bộ tín dụng**

- Nhận các báo cáo từ CĐT và cơ quan môi trường có thẩm quyền;

- Tổng hợp, phân tính, đánh giá báo cáo này và đưa ra dự báo;

- Theo dõi khoản vay, thu gốc & lãi hoặc xử lý nợ xấu;

- Báo cáo lên Bộ phận QTRR.

Dự báo

Nhận định

Theo dõi

Dự báo

Đo lường

Xử lý

Kết luận

Rà soát

7.2.2. Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro mà QBVMTVN không thể cân đối được dòng tiền dự kiến và thực tế trong hoạt động. Để giảm thiểu rủi ro, QBVMTVN nên

* Xây dựng chiến lược quản lý thanh khoản;
* Xác định rủi ro thanh khoản trong hoạt động QBVMTVN;
* Kiểm tra cơ cấu tài sản, đưa ra các kế hoạch dự trù và các phương pháp dự báo để phòng ngừa rủi ro thanh khoản;
* Đánh giá lại chiến lược.

7.2.3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là loại rủi ro khi hạng mục cho vay giảm giá trị bởi các yếu tố vĩ mô thay đổi. Để quản lý tốt loại rủi ro này, QBVMTVN cần phải:

* Xác định những nhân tố vĩ mô ảnh hưởng đến QBVMTVN;
* Thường xuyên đánh giá các chỉ số vĩ mô và theo dõi chặt chẽ các hoạt động của QBVMTVN;
* Đưa ra mức tập trung một khoản vay trong danh mục cho vay nhằm đa dạng hóa danh mục, giảm thiểu rủi ro.

7.2.4. Rủi ro lãi suất

Đối với dự án, mức lãi suất sẽ được cố định ở mức 8,2%. Tuy nhiên bộ phận QTRR vẫn nên sử dụng các mô hình tình huống, đưa ra các giả thiết xấu nhất nhằm giúp QBVMTVN có biện pháp dự phòng trong tương lai.

7.2.5. Rủi ro hoạt động

Là loại rủi ro xảy ra khi các chức năng của QBVMTVN không hoạt động đúng theo kế hoạch đề ra. Rủi ro này xuất hiện ở tất cả các khâu, từ con người, hệ thống, quy trình. Nó cũng bao gồm các rủi ro khác như rủi ro bị lừa đảo, rủi ro pháp lý và rủi ro môi trường. Để xác định được loại rủi ro này, bộ phận QTRR sẽ:

* Xác định mức rủi ro như thế nào là chấp nhận được và so sánh kế hoạch đã đề ra và khả năng thực hiện trong thực tế;
* Các phòng đề ra các báo cáo kế hoạch và việc thực hiện. Bộ phận sẽ tập hợp báo cáo để đưa ra chính sách quản lý phù hợp.

## 7.3. Hạn mức nợ xấu

So sánh với các NHTM khác, tỷ lệ nợ xấu trên tổng nợ của QBVMTVN không được quá 5%. Hiện nay, tỷ lệ nợ xấu của danh mục cho vay đối với XLNTTT KCN của QBVMTVN là dưới 1%. Tuy nhiên, QBVMTVN cần đảm bảo có cơ chế phân loại nợ phù hợp và được giám sát bởi các bên liên quan.

## 7.4. Dự phòng rủi ro

Theo Thông tư 93, BTC quy định mức dự phòng rủi ro hơn 0.2% và mức này tại QBVMTVN là khoảng 1%. Tuy nhiên đối với dự án XLNTTT, QBVMTVN phải so sánh mức này với các mức tại các NHTM khác nhau để xem xét tỷ lệ theo BTC đã phù hợp hay chưa, đồng thời có đề xuất lên BTC.

## 7.5. Trách nhiệm của QBVMTVN khi rủi ro xảy ra

Trong trường hợp CĐT không trả được nợ, QBVMTVN phải có sự chấp thuận từ phía BTC và tiến hành các bước theo Mục 6.4 Xử lý nợ xấu để giảm thiểu rủi ro. Trong báo cáo gửi BTC, QBVMTVN phải giải thích rõ những nỗ lực thu hồi khoản vay, các kết quả đạt được, nguyên nhân tại sao CĐT không trả được nợ và đưa ra biện pháp khắc phục. Cùng với báo cáo này, QBVMTVN cũng cần gửi kèm các tài liệu sau:

* Các báo cáo thẩm định và báo cáo đánh giá rủi ro;
* Thư của Ban kiểm soát xác nhận rằng QBVMTVN đã thẩm định dự án với trách nhiệm, năng lực cao, công bằng và minh bạch. Trong thư cũng phải nhấn mạnh QBVMTVN đã tiến hành các bước cần thiết để ngăn chặn và giảm thiểu rủi ro, tuy nhiên nợ xấu xảy ra là không tránh khỏi.

# VIII. Thực hiện, theo dõi, đánh giá, và báo cáo

## 8.1. Thực hiện dự án

Việc thực hiện dự án sẽ được thực hiện theo như sơ đồ sau:

**Sơ đồ 10: Cơ cấu tổ chức của BQLDA - QBVMTVN**

**CƠ QUAN KHÁC**

**BQLDA - QBVMTVN**

**QBVMTVN**

BTC

Hội đồng Quản lý

Giám đốc

BQLDA BKHĐT

- Thu thập báo cáo

- Cử kiểm toán đến QBVMTVN

Ban Kiểm soát

Hội đồng Tín dụng

Giám đốc

Bộ phận kiểm soát nội bộ

BQLDA BTNMT

Chuyên gia Tín dụng

- P. TDĐT

- P. CDM

- P. Tài trợ

- P. TCKT

- P. KHPT

- P. QTRR

- VP

Chuyên gia Môi trường xã hội

Bộ phận Tài chính & Kế toán

NHTG

8.1.1 Ban Quản lý Dự án Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (BQLDA - QBVMTVN)

Được thành lập để hỗ trợ QBVMTVN thực hiện các nhiệm vụ của Hợp phần 2 bao gồm i) tiếp nhận các đề xuất vay vốn; ii) hỗ trợ QBVMTVN trong việc thẩm định dự án vay vốn và năng lực tài chính của CĐT, quản lý khoản vay, thu hồi nợ trả lại BTC, kiểm soát rủi ro và xử lý nợ xấu nếu có phát sinh; iii) thực hiện kiểm toán, báo cáo theo yêu cầu. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của BQLDA - QBVMTVN như sau:

1. *Cơ cấu tổ chức*
* Giám đốc QBVMTVN: chịu trách nhiệm cho tất cả các hoạt động của QBVMTVN, đồng thời là Giám đốc BQLDA - QBVMTVN. Giám đốc sẽ phê duyệt các báo cáo (như báo cáo thẩm định, báo cáo đánh giá rủi ro), đại diện QBVMTVN trong mọi giao dịch với người cho vay và có trách nhiệm giám sát toàn bộ quy trình cho vay.
* Hội đồng tín dụng (HĐTD): do Giám đốc QBVMTVN thành lập nhằm tham mưu, cố vấn cho Giám đốc trong việc ra quyết định cho vay. Các nhiệm vụ chính của HĐTD gồm:
	+ Xem xét lại báo cáo thẩm định và báo cáo đánh giá rủi ro tín dụng;
	+ Thực hiện các công việc khác do Giám đốc giao.

Thành phần HĐTD bao gồm:

* + Giám đốc QBVMTVN;
	+ Trưởng Bộ phận Tín dụng;
	+ Trưởng Bộ phận QTRR;
	+ Trưởng Bộ phận Tài chính kế toán.
* Bộ phận TCKT đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai dự án. Các nhiệm vụ chính được đề cập trong phần 9.2.2.
1. *Nhân sự*

Ngoài Giám đốc BQLDA là người chịu trách nhiệm cao nhất, theo yêu cầu của NHTG, BQLDA – QBVMTVN cần thuê 4 chuyên gia tư vấn dài hạn để hỗ trợ hoạt động bao gồm:

* 01 (một) chuyên gia Tư vấn tín dụng: có nhiệm vụ hỗ trợ Bộ phận Tín dụng thẩm định dự án và đánh giá RRTD. Nhiệm vụ của chuyên gia tín dụng được quy định rõ trong Điều khoản tham chiếu chức danh chuyên gia tín dụng.
* 01 (một) chuyên gia kế toán: chức năng, nhiệm vụ được quy định tại mục 9.2.2.
* 01 (một) chuyên gia Tư vấn an toàn môi trường và xã hội: chịu trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ Khung Quản lý môi trường và xã hội của CĐT. Nhiệm vụ của chuyên gia An toàn môi trường và xã hội được quy định rõ trong Điều khoản tham chiếu chức danh chuyên gia Tư vấn An toàn môi trường và xã hội.
* 01 (một) chuyên gia hỗ trợ thực hiện dự án.

8.1.2 Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

* QBVMTVN sẽ quản lý các hoạt động của BQLDA - QBVMTVN. Mức quản lý cao nhất là Chủ tịch Hội đồng quản lý QBVMTVN.
* Ban Kiểm soát sẽ giám sát các hoạt động của toàn QBVMTVN và chịu trách nhiệm xây dựng Hệ thống cảnh báo sớm nhằm ngăn chặn những rủi ro trong hoạt động của QBVMTVN.
* Hiện tại, cơ cấu tổ chức của QBVMTVN bao gồm 06 phòng sau:
* Phòng Tín dụng đầu tư: cho vay vốn với lãi suất ưu đãi;
* Phòng Tài trợ: Tài trợ các dự án môi trường và nhận ký quỹ khai thác khoáng sản;
* Phòng Cơ chế phát triển sạch (CDM): hướng dẫn đăng ký CERs và thu lệ phí bán/chuyển CERs;
* Các phòng hỗ trợ gồm: Phòng kế hoạch phát triển, Phòng TCKT và Văn phòng.

Ngoài các phòng ban trên, để đáp ứng đòi hỏi của công việc mới và yêu cầu của NHTG, QBVMTVN thành lập thêm 2 bộ phận mới là Kiểm soát nội bộ và phòng QTRR.

* Bộ phận Kiểm soát nội bộ (KSNB) được lập nhằm giám sát các hoạt động của QBVMTVN và của BQLDA - QBVMTVN, đảm bảo thực hiện được các mục tiêu và yêu cầu của dự án đặt ra. Các nhiệm vụ chính của Bộ phận KSNB được đề cập trong phần 9.3. QBVMTVN sẽ tuyển dụng một cán bộ kiểm toán nội bộ để thực hiện nhiệm vụ này (Điều khoản tham chiếu chức danh cán bộ kiểm toán nội bộ quy định trong phụ lục 14). Cán bộ kiểm toán nội bộ được hỗ trợ bởi 2-3 cán bộ QBVMTVN.
* Phòng QTRR: được lập nhằm đánh giá rủi ro liên quan đến quá trình thẩm định và toàn bộ hoạt động của QBVMTVN. Đối với dự án này, Phòng QTRR sẽ đánh giá rủi ro tín dụng của toàn bộ danh mục cho vay và các rủi ro liên quan khác. Cùng với báo cáo thẩm định của Bộ phận Tín dụng, báo cáo QTRR sẽ được trình lên Giám đốc.

8.1.3 Các bên liên quan

Bộ Tài chính, BQLDA - BKHĐT, Bộ Tài nguyên và Môi trường, NHTG sẽ tham gia thực hiện dự án và giám sát hoạt động của BQLDA - QBVMTVN. Chi tiết vai trò của các bên liên quan tham khảo tại Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT.

## 8.2. Quy trình thẩm định cho vay tổng quát

**Sơ đồ 11: Quy trình thẩm định cho vay tổng quát**

BQLDA/QBVMTVN

Chủ đầu tư

**NHTG**

BTC

1

8

7

3

6

2

Tài khoản đặc biệt (TKĐB)

4

5

**Diễn giải:**

(1) CĐT gửi hồ sơ xin vay vốn đến QBVMTVN.

(2) QBVMTVN thẩm định sơ bộ và cuối cùng hồ sơ vay vốn.

(3) Sau khi đánh giá sơ bộ hồ sơ vay vốn, QBVMTVN sẽ gửi NHTG các báo cáo thẩm định sơ bộ, ĐTM, Kế hoạch quản lý môi trường, Kế hoạch đấu thầu và đề xuất cho vay. NHTG sẽ đánh giá vệc tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn xã hội và môi trường theo quy định của NHTG và Chính phủ Việt Nam và Kế hoạch đấu thầu. Nếu CĐT đáp ứng được các yêu cầu trên, NHTG sẽ gửi thư không phản đối đến QBVMTVN. Sau khi nhận được thư không phản đối, QBVMTVN tiến hành thẩm định thực tế dự án.

(4) Sau khi đi thẩm định thực tế, nếu dự án đạt điều kiện cho vay, QBVMTVN sẽ báo cáo BTC. Nếu BTC không có ý kiến phản đối, QBVMTVN sẽ ra quyết định cho vay. QBVMTVN ký Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm với CĐT và hướng dẫn giải ngân.

 (5) Sau khi CĐT đầu tư xong phần đối ứng hoặc đã thực hiện xong khối lượng công việc theo quy trình giải ngân, đơn vị vay vốn sẽ chuẩn bị đề nghị giải ngân và cung cấp các hồ sơ, hợp đồng và hóa đơn chứng từ liên quan theo hướng dẫn của QBVMTVN.

 (6) QBVMTVN kiểm tra bộ hồ sơ do CĐT gửi, tiến hành thẩm định khối lượng công việc đã thực hiện và giải ngân cho đơn vị vay vốn từ TKĐB.

 (7) Sau mỗi quý, QBVMTVN nộp các hồ sơ giải trình về các khoản giải ngân và kế hoạch giải ngân cho quý tiếp theo cho NHTG.

(8) QBVMTVN thu hồi nợ và hoàn trả lại cho BTC.

Các hoạt động trên đều được hỗ trợ bởi BQLDA - QBVMTVN.

## 8.3. Giám sát, đánh giá, và Báo cáo

Để giám sát tốt dự án, QBVMTVN sẽ đưa ra kế hoạch giám sát để đánh giá sự hoạt động của các trạm XLNTTT như sau

8.3.1. Giai đoạn xây dựng

Tại giai đoạn giải ngân lần 1, chủ đầu tư phải cam kết đầu tư 25% tổng giá trị dự án bằng vốn tự có. Sau khi kiểm tra, QBVMTVN sẽ giải ngân 50% tổng số vốn vay. Giai đoạn giải ngân lần 2, khi chủ đầu tư đã hoàn thành trạm XLNTTT, QBVMTVN sẽ thẩm định khối lượng hoàn thành và giải ngân them 40% tổng số vốn vay. Để giám sát, theo dõi các hạng mục công trình và đảm bảo chủ đầu tư vận hành trạm đúng theo hợp đồng cho vay, QBVMTVN sẽ tiến hành các bước sau:

* Kiểm tra các hồ sơ như hóa đơn, hợp đồng xây dựng, và các giấy tờ liên quan khác nhằm đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn vay phù hợp, đúng theo quy định và luật pháp.
* Đảm bảo quá trình hoạt động theo đúng tiêu chí kỹ thuật, môi trường, đáp ứng được các yêu cầu của NHTG.

8.3.2. Sau khi hoạt động

Tại giai đoạn giải ngân lần 3, sau khi trạm XLNTTT đi vào hoạt động và CĐT gửi thư cam kết đảm bảo trạm hoạt động đúng theo các tiêu chí kỹ thuật đề ra và đạt các tiêu chuẩn về môi trường, QBVMTVN sẽ giải ngân 10% tổng số vốn vay.

Quy trình giám sát môi trường sẽ được thực hiện theo các mức sau:

* Tự giám sát, tự báo cáo của các CĐT;
* Đánh giá quá trình hoạt động từ QBVMTVN;
* Giám sát dự án từ các cơ quan môi trường có thẩm quyền.

Do đó, vai trò của QBVMTVN được thể hiện theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 4: Quy trình giám sát, đánh giá và báo cáo**

Thu nợ

Theo dõi nợ

Nhận báo cáo

Cơ quan môi trường

Cơ cấu nợ

Giám đốc QBVMTVN

BKHĐT & BTC

BQLDA - QBVMTVN

Kiểm soát nội bộ

Bộ phận

Tín dụng

Bộ phận QTRR

Bộ phận Kế toán

Các bộ phận hỗ trợ khác

Chủ đầu tư

1a

1b

2

3a

3b

4

4

5

6

7

*Chú thích:*

* (1a) QBVMTVN sẽ yêu cầu các báo cáo hàng quý từ CĐT. Các báo cáo phải chú trọng lượng xả thải thực tế, việc xử lý bùn thải, chất lượng nước thải và các yếu tố khác có thể gây hại cho môi trường. Đồng thời, QBVMTVN cũng yêu cầu các Báo cáo tài chính nhằm đánh giá khả năng kinh doanh của CĐT.
* (1b) QBVMTVN nhận các báo cáo đánh giá môi trường từ các cơ quan môi trường có thẩm quyền.
* (2) QBVMTVN đột xuất cử nhóm giám sát tới địa điểm thực hiện dự án và kiểm tra các vấn đề sau:
* Giám sát lưu lượng xả thải và các chất gây ô nhiễm của trạm XLNTTT
* Đảm bảo nước thải được xử lý đúng bài bản và bất kỳ mức phụ trội nào đều được chuẩn bị và xử lý triệt để;
* Đảm bảo các đầu ra đều được theo dõi bằng hệ thống quan trắc tự động (AMS) và hoạt động theo đúng yêu cầu.
* Đánh giá tính hiệu quả của dự án.
* (3a) QBVMTVN thu hồi gốc và lãi.
* (3b) Trong trường hợp CĐT không trả được nợ đúng hạn, QBVMTVN sẽ thực hiện các quy trình theo đúng quy định nhằm xử lý.
* (4) Bộ phận Tín dụng phải thường xuyên cập nhập các báo cáo giám sát, đánh giá và gửi cho các phòng ban liên quan.
* (5) HĐTD xem xét báo cáo của các phòng ban.
* (6) HĐTD có nghĩa vụ xem xét cẩn thận các báo cáo và trình Giám đốc.
* (7) QBVMTVN sẽ nộp các báo cáo sau cho BQLDA - BKHĐT theo định kỳ 6 tháng 1 lần:
* Tình trạng thực hiện dự án;
* Thông báo khả năng thực hiện dự án của QBVMTVN và BQLDA -QBVMTVN;
* Các báo cáo về giám sát và đánh giá trạm XLNTTT;
* Dự trù ngân sách;
* Các báo cáo khác được yêu cầu (Xem thêm tại Bảng 6.1 trong Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT (PIM): Các loại báo cáo).

# IX. Quản trị tài chính

## 9.1. Nguyên tắc chung

Quản trị tài chính, kế toán và giải ngân trong hợp phần 2 được thực hiện theo thứ tự được thống nhất theo quy định trong quản trị tại chính và báo cáo dự án. Dưới đây là các mục tiêu cần đạt được:

* Tăng cường tính minh bạch trong quản lý tài chính của dự án để đảm bảo việc sử dụng đúng và hiệu quả các nguồn lực của dự án;
* Cung cấp các hướng dẫn về thủ tục và hệ thống quản lý tài chính của dự án nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng và các cơ quan chính phủ có liên quan thực hiện nhiệm vụ giám sát và đánh giá;
* Làm rõ các yêu cầu, quy trình và thủ tục quản lý dự án tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện dự án.

## 9.2. Chức năng và nhiệm vụ của các bên liên quan

9.2.1 Chức năng và nhiệm vụ của Giám đốc BQLDA - QBVMTVN, bộ phận tín dụng, bộ phận quản trị rủi ro và hội đồng tín dụng (được nêu rõ tại phần 8.1 ở trên).

9.2.2 Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận Tài chính kế toán của BQLDA – QVMTVN:

Bộ phận Tài chính kế toán của BQLDA – QVMTVN phải làm việc chặt chẽ với Phòng Tài chính và Kế toán của QBVMTVN nhằm thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Quản trị tài chính, chuẩn bị kế hoạch thực hiện hàng năm, kế hoạch ngân sách và xác định nhu cầu ngân sách cho Hợp phần 2;
* Quản lý TKĐB tại Ngân hàng phục vụ;
* Chuẩn bị hồ sơ cho quy trình rút vốn kết hợp với báo cáo sử dụng vốn, được trình lên BTC và NHTG cho giải ngân và thông báo thông tin cho BQLDA với mục đích tổng hợp;
* Xây dựng quy trình kế toán và sổ sách kế toán theo quy định của NHTG và Chính phủ Việt Nam;
* Chuẩn bị báo cáo tài chính hàng quý cho các hoạt động thực hiện theo hợp phần 2 trong vòng 30 ngày kể từ ngày cuối cùng của quý, trình lên BQLDA-BKHĐT để tổng hợp;
* Hoàn toàn chịu trách nhiệm cho tất cả các hoạt động trong Hợp phần 2 và làm việc với kiểm toán viên nội bộ và bên ngoài của Dự án để chuẩn bị các báo cáo kiểm toán định kỳ theo yêu cầu.
* Cán bộ quản trị tài chính (kế toán viên) là chuyên gia được thuê ngoài có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong kế toán được giao quản lý tài chính của Hợp phần 2. Kế toán viên được chỉ định sẽ chịu trách nhiệm phối hợp với các phòng ban có liên quan bao gồm nhóm đấu thầu và Điều phối viên cho tất cả các khía cạnh tài chính của từng hợp đồng. Kế toán của BQLDA-BKHĐT có trách nhiệm hướng dẫn cán bộ kế toán của BQLDA - QBVMTVN trong việc quản lý tài chính để phù hợp với hướng dẫn và quy định của NHTG và Chính phủ. Kế toán viên của BQLDA - QBVMTVN có trách nhiệm nộp báo cáo định kỳ hàng năm tới BQLDA-BKHDT để cập nhật tình hình tài chính của BQLDA - QBVMTVN cũng như hợp nhất báo cáo tài chính cho toàn bộ dự án.
* Các công việc, chức năng và năng lực cần thiết cho kế toán viên tại BQLDA - QBVMTVN được trình bày theo bảng dưới đây”:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Vị trí** | **Chức năng và nhiệm vụ** | **Yêu cầu** |
| 1 | Kế toán trưởng | Kế toán trưởng phải thực hiện các công việc sau:+ Chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác quản trị tài chính, kế toán của Hợp phần 2;+ Rà soát, kiểm tra kế hoạch rút vốn trình Giám đốc Ban Quản lý dự án xem xét, quyết định; + Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, kế toán, kiểm toán theo quy định hiện hành của pháp luật và Sổ tay Hướng dẫn thực hiện Dự án Quản lý ô nhiễm các khu công nghiệp thuộc lưu vực sông đồng Nai, sông Nhuệ - Đáy;+ Thiết lập và quản lý hệ thống kế toán, hồ sơ kế toán và sổ sách hạch toán kế toán;+ Phê duyệt đề nghị giải ngân được thực hiện bởi Bên vay và Bộ phận Tín dụng. | Tốt nghiệp đại học về tài chính kế toán;Có tối thiểu 10 năm kinh nghiệm trong quản lý tài chính của dự án;Quen thuộc với hệ thống quản lý tài chính của QBVMTVN |
| 2 | Kế toán viên | Kế toán viên phải chịu trách nhiệm thực hiện các công tác sau:+ Hỗ trợ Giám đốc và Kế toán trưởng BQLDA thực hiện và kiểm soát việc giải ngân hiệu quả và đúng mục đích, sử dụng kinh phí của dự án phù hợp với yêu cầu của Chính phủ và NHTG;+ Hỗ trợ Kế toán trưởng BQLDA chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho việc thanh toán, phối hợp với Bộ phận Tín dụng giải ngân các dự án cho vay lại theo quy trình định sẵn và kế hoạch được duyệt;+ Thực hiện một cách đầy đủ và chính xác về kế toán và hạch toán, bao gồm các bút toán ghi sổ, sổ sách kế toán theo quy định hiện hành của Chính phủ;+ Chuẩn bị các báo cáo tài chính và báo cáo quản lý theo quy định của Dự án; chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho Kiểm toán hàng năm theo quy định và hướng dẫn của NHTG;+ Nhập và cập nhật dữ liệu vào Hệ thống quản lý kế toán của BQLDA;+ Hỗ trợ các giao dịch logistics bao gồm visa, đi lại, đặt phòng khách sạn cho các cán bộ dự án, chuyên gia tư vấn, khách mời tham dự các hoạt động của dự án;+ Hỗ trợ các công việc chuẩn bị cho mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm, phương tiện hỗ trợ cần thiết cho Văn phòng BQLDA. | Có bằng cử nhân về ngành tài chính.Có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm trong kế toán/kiểm toán;Thông thạo tiếng Việt và tiếng Anh;Có kinh nghiệm tham gia làm việc ở vị trí kế toán viên cho các dự án ODA; Có hiểu biết sâu sắc đối với các tiêu chuẩn kế toán quốc tế và tiêu chuẩn kế toán Việt Nam; |

## 9.3. Kiểm soát nội bộ

QBVMTVN sẽ thành lập bộ phận KSNB hoạt động độc lập với các bộ phận khác. Bộ phận KSNB sẽ xây dựng quy trình KSNB cho các hoạt động của Hợp phần 2 và của QBVMTVN, đồng thời giám sát quy trình đó.

Quy trình KSNB được thiết lập sẽ không diễn ra đơn lẻ mà là một quá trình liên tục, đòi hỏi các cán bộ phải liên tục cập nhật, hỗ trợ và đánh giá nhằm đảm bảo phát huy chức năng KSNB tại mọi thời điểm.

**Sơ đồ 12: Quy trình kiểm soát nội bộ**

*Mục tiêu*

*Thực hiện*

(1) Các nhóm nghiệp vụ trong BQLDA - QBVMTVN phải thường xuyên nộp báo cáo lên Nhóm KSNB.

(2) Từ các báo cáo này, Nhóm KSNB sẽ kiểm soát tổng thể như sau:

* Rà soát lại các khung hoạt động, các quy định liên quan nhằm đảm bảo QBVMTVN không gặp vấn đề trong việc triển khai dự án. Đề xuất các phương án nếu thấy cần thiết.
* Kiểm soát toàn bộ hệ thống quản lý khoản vay và đưa ra các đề xuất.
* Kiểm soát hệ thống tài chính kế toán và đưa ra các đề xuất.
* Đánh giá thường xuyên hệ thống KSNB của BQLDA - QBVMTVN và của QBVMTVN nhằm đảm bảo hệ thống đảm bảo được các yêu cầu đề ra.

(3) Kiểm soát từng nhóm

* Đối với các hoạt động của Bộ phận Tài chính - Kế toán(Chi tiết tại Mục 9.5.3 Kiểm soát nội bộ đối với các hoạt động Kế toán)
* Đối với các hoạt đông của Bộ phận Tín dụng và Bộ phận QTRR:
* Đánh giá sự tuân thủ của các bộ phận này với Sổ tay hướng dẫn cho vay đầu tư trạm XLNTTT và các quy định luật pháp liên quan.
* Theo dõi và kiểm soát các hoạt động cho vay tại các thời điểm: trước khi phê duyệt khoản vay, giải ngân và sau giải ngân.
* Kiểm soát quy trình thẩm định cho vay và việc thực hiện đúng các nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng cho vay lại của các bên.
* Giám sát quá trình thu hồi nợ.

(4) Nhóm KSNB phải thường xuyên phản hồi, trao đổi thông tin với các nhóm khác nhằm đảm bảo an toàn cần thiết cho việc triển khai dự án. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành kiểm toán giữa năm tài chính, cán bộ KSNB sẽ lập báo cáo, trình lên Giám đốc QBVMTVN và NHTG. Báo cáo sẽ bao gồm 02 phần sau:

* Đánh giá Hệ thống quản lý khoản vay và QTRR;
* Đánh giá Hệ thống quản lý tài chính.

(5) Nhóm sẽ tiếp tục giám sát và đánh giá hệ thống KSNB nhằm đảm bảo quy trình KSNB hoạt động hiệu quả, đúng chức năng đề ra.

## 9.4. Kế hoạch và dự toán ngân sách dự án

BQLDA - QBVMTVN lập kế hoạch và dự toán ngân sách cho Hợp phần 2 cho vay lại theo kỳ 6 tháng kế tiếp. BQLDA - BKHĐT tổng hợp các kế hoạch đã được chuẩn bị cho các Hợp phần để làm ngân sách hàng năm và kế hoạch giải ngân cho toàn bộ dự án.

Kế hoạch tài chính 6 tháng kế tiếp phục vụ hai mục tiêu: (i) giúp BQLDA - QBVMTVN nắm được tình hình giải ngân của quý hiện thời và kế hoạch giải ngân cho 6 tháng tiếp theo, và (ii) giúp Nhóm công tác của NHTG xác nhận tính hợp lý của yêu cầu tạm ứng đối với ngân hàng. Các kế hoạch tài chính 6 tháng kế tiếp được lập hàng quý vào 15 ngày trước khi kết thúc quý hiện thời và do Bộ phận Tín dụng lập với các dữ liệu từ Bộ phận TCKT. Mỗi một kế hoạch tài chính 6 tháng kế tiếp được lập chi tiết theo khách hàng/nhà thầu như sau:

1. Giá trị giải ngân trong quý hiện thời;
2. Giá trị giải ngân lũy kế đến ngày báo cáo;
3. Dự tính giải ngân cho 6 tháng tiếp theo; và
4. Các giải thích, kiến nghị nếu thấy cần thiết.

Một kế hoạch có thể bao gồm kế hoạch phân giải ngân cho các khách hàng hiện tại hiện đang vay nhưng chưa rút hết giá trị cam kết, và kế hoạch cho vay khách hàng mới, khách hàng tiềm năng trong kỳ kế hoạch.

## 9.5. Hạch toán kế toán

9.5.1. Kế toán

Các nguyên lý, chuẩn mực kế toán áp dụng cho BQLDA - QBVMTVN là các nguyên lý và chuẩn mực hiện đang áp dụng cho các hoạt động hiện tại của QBVMTVN.

Hiện tại, QBVMTVN đang thực hiện chế độ quản lý tài chính theo Thông tư số 93/2003/BTC của BTC .

Biểu mẫu các báo cáo tài chính: theo quy định của BTC (tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính)

Nhìn chung, hệ thống các sổ sách, tài khoản và chứng từ kế toán được thiết kế nhằm hỗ trợ cho các dự án cho vay, hỗ trợ lãi suất, tài trợ của QBVMTVN. Để phù hợp với QBVMTVN, hệ thống này đã được điều chỉnh và áp dụng tương tự như hệ thống áp dụng cho các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính khác.

9.5.2 Các yêu cầu bổ sung đối với dự án

* *Hạch toán tách biệt cho nguồn và sử dụng nguồn*

Nguồn và sử dụng nguồn của BQLDA - QBVMTVN cần được hạch toán tách biệt và không gộp với các nguồn khác của QBVMTVN.

* *Phần mềm kế toán*

BQLDA - QBVMTVN sẽ nâng cấp hệ thống kế toán với các điều chỉnh cần thiết nhằm đưa hệ thống phù hợp với các tiêu chí của BQLDA - BKHĐT.

* *Đơn vị tiền tệ*

Đồng tiền theo hợp đồng cho vay lại là đồng Việt Nam (VND). Đồng tiền chuyển về trên TKĐB là đôla Mỹ (USD). Do vậy hệ thống kế toán tại BQLDA - QBVMTVN cần được điều chỉnh để ghi nhận giá trị giải ngân từ IDA cả bằng đồng Việt Nam và đôla Mỹ. Đơn vị tiền tệ sử dụng cho các báo cáo tài chính giữa kỳ (IFRs) gửi lên NHTG là đôla Mỹ.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán chính thức là đồng Việt Nam. Tỷ giá được sử dụng để chuyển đổi thành USD để lập các báo cáo tài chính giữa kỳ là tỷ giá áp dụng của Ngân hàng phục vụ[[11]](#footnote-11) tại ngày giao dịch và ngày báo cáo.

* *Hạch toán vốn nhận từ Ngân hàng thế giới*

Vốn nhận từ NHTG sẽ được hạch toán như là khoản vay bằng VND từ ngân sách nhà nước và được hạch toán tách biệt từ các nguồn khác (TK 511, TK chi tiết vốn IDA).

Một tài khoản tiền gửi được mở tại một ngân hàng thương mại được chỉ định bởi Ngân hàng nhà nước Việt Nam đồng thời được chấp thuận bởi NHTG, tài khoản này dùng để tiếp nhận nguồn vốn từ NHTG (TK 11321 – Tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ tại ngân hàng thương mại, TK chi tiết cho BQLDA - QBVMTVN).

Cho vay từ vốn IDA cho khách hàng được ghi nhận vào tài khoản cho vay trung - dài hạn. (TK 3212 cho các khoản vay trung và dài hạn, chi tiết cho từng Bên vay và cho từng nhà thầu).

Các tài khoản được đề cập trên cần được mở và hạch toán riêng cho BQLDA - QBVMTVN và sẵn sàng cung cấp số liệu để lập các báo cáo tài chính giữa kỳ.

Sau đây là các bút toán kế toán cho một số nghiệp vụ chính:

* Nhận tiền từ NHTG về tài khoản đặc biệt:
* Ghi tăng Tài sản (bút toán Nợ TK đặc biệt) bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, có chú thích bằng USD;
* Ghi tăng Nguồn (bút toán Có TK nợ vay từ NS nhà nước) bằng đồng Việt Nam – đây chính là số nợ chính thức phải hoàn trả cho BTC sau này.

*Lưu ý: Khoản Nợ Ngân sách nhà nước (BTC) được ghi nhận bằng VND ngay khi tiền được rút về TK đặc biệt bằng USD, tính theo tỷ giá hiện thời. Tại thời điểm này, BTC cũng ghi nhận khoản nợ từ IDA. Đây cũng là thời điểm tính lãi của IDA đối với BTC và của BTC đối với QBVMTVN.*

* Cho vay đối với khách hàng là các chủ đầu tư (giải ngân cho các nhà thầu của các chủ đầu tư);
* Ghi tăng Tài sản – TK cho vay trung dài hạn, chi tiết cho nhà thầu của từng chủ đầu tư với giá trị thực tế bằng đồng Việt Nam;
* Ghi giảm Tài sản – TK tiền gửi đặc biệt, bằng giá trị VND thực tế, ghi chú chuyển đổi sang USD tương đương theo tỷ giá tại thời điểm thanh toán (cho mục tiêu báo cáo).
	+ 1. Kiểm soát nội bộ đối với hoạt động kế toán

*9.5.3.1 Quản lý tiền mặt:*

Theo luật áp dụng và các quy định hiện hành, việc thanh toán thông qua tài khoản ngân hàng được khuyến khích đảm bảo tính thuận tiện và độ an toàn. Tuy nhiên, tại tất cả các BQLDA, có một quỹ tiền lẻ tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động hàng ngày của dự án. Số tiền mặt này sẽ được sử dụng cho các chi tiêu nhỏ và đột xuất và/ hoặc không thể dùng cho nhà cung cấp thực hiện việc trả tiền thông qua tài khoản ngân hàng cho hầu hết các nhà cung cấp.

Các quy định về kiểm soát quỹ tiền lẻ như sau:

* Hạn mức tiền mặt: Giám đốc QBVMTVN có thể quy định số dư tối đa của quỹ tiền mặt tùy thuộc vào nhu cầu thực hiện dự án trong giai đoạn cụ thể.
* An toàn: Tiền mặt của BQLDA - QBVMTVN được giữ một cách an toàn. Thủ quỹ là người giữ chìa khóa và mã số của két sắt và có trách nhiệm nhận và trả tiền mặt.
* Kiểm tiền: (i) Mỗi ngày, thủ quỹ phải kiểm tra, đối chiếu số dư tiền mặt thực tế với số dư tiền mặt trong sổ quỹ. (ii) Thủ quỹ và một kế toán khác kiểm tra định kỳ (ngày cuối cùng của tháng) và lập biên bản kiểm tiền như một bằng chứng về việc kiểm tiền; và (iii) việc kiểm tiền đột xuất cũng được thực hiện nếu Giám đốc QBVMTVN yêu cầu.
* Vào ngày cuối tháng thủ quỹ và kế toán phải có biên bản kiểm kê đối chiếu số dư tiền mặt.

*9.5.3.2 Tài khoản Dự án tại Ngân hàng Thương mại:*

Mỗi nguồn kinh phí được theo dõi trong tài khoản ngân hàng riêng biệt để hỗ trợ việc quản lý, giải ngân và bổ sung tài khoản kịp thời.

Kế toán viên phải ghi lại các giao dịch để hạch toán riêng biệt và định kỳ (hàng tháng) đối chiếu số dư từ hồ sơ dự án với số dư từ các báo cáo ngân hàng.

Mẫu đối chiếu ngân hàng có thể đơn giản như bao gồm các hạng mục sau đây: (i) Số dư tài khoản theo sao kê của ngân hàng; (ii) Số dư tài khoản theo các hồ sơ kế toán của dự án; và (iii) Sự khác biệt và giải thích cho sự khác biệt đó.

**Lưu ý:** Việc đối chiếu tài khoản ngân hàng phải được thực hiện theo tháng và buộc phải làm kể cả trong trường hợp không có sự khác biệt.

Sự khác biệt được phát hiện trong quá trình đối chiếu phải được báo cáo lại để có các phương án giải quyết kịp thời. Trong trường hợp sự khác biệt là đáng kể, cần phải thông báo cho giám đốc dự án.

* Đối với các giao dịch thông qua các ngân hàng thương mại, kế toán viên phải: (i) Giữ chứng từ của mỗi giao dịch và đính kèm các chứng từ thanh toán để chứng minh rằng các giao dịch đã được thực hiện; (ii) Yêu cầu báo cáo hàng tháng từ ngân hàng thương mại; và (iii) Các tài khoản không được sử dụng phải được đóng lại kịp thời.
* Tất cả các khoản thanh toán từ tài khoản ngân hàng IDA sẽ chỉ được thực hiện cho các chi tiêu hợp lệ tuân thủ quy định trong Hiệp định Tài trợ và các yêu cầu thanh toán có xác nhận của Kho bạc Nhà nước.
	+ - 1. *Chi tiêu của BQLDA - QBVMTVN và quy trình quản lý tài sản*
* **Chi tiêu của BQLDA - QBVMTVN:**

Chi tiêu của BQLDA - QBVMTVN là các khoản chi phí cho các hoạt động quản lý dự án bắt đầu phát sinh từ khâu chuẩn bị đầu tư và kết thúc sau khi quyết toán vốn đầu tư;

* Chi tiêu của BQLDA - QBVMTVN phải tuân thủ dự toán đã được phê duyệt;
* Dựa trên chi phí ước tính đã được phê duyệt, bộ phận kế toán phần sẽ thực hiện công việc kế toán dựa vào việc theo dõi và giám sát của BQLDA - QBVMTVN;
* Tất cả các chi tiêu cần phải có chứng từ hợp lệ đi kèm, do kế toán viên rà soát lại trước khi trình Giám đốc QBVMTVN phê duyệt;
* Tất cả các chi tiêu cần phải được thực hiện như quy định của Chính phủ Việt Nam về định mức chi tiêu và/hoặc theo các điều khoản trong Sổ tay này;
* Trong trường hợp các khoản mục chi phí thực tế cao hơn so với ước tính, nhưng tổng chi phí của BQLDA - QBVMTVN vẫn nằm trong giới hạn dự toán chi phí được phê duyệt, thì BQLDA - QBVMTVN sẽ thực hiện việc giải thích và điều chỉnh dự toán chi phí cho năm tiếp theo.
* **Quản lý Tài sản cố định**

Tất cả mua sắm phải được hạch toán đúng và được ghi lại vào tài sản cố định. Tài sản cố định cần phải được ghi lại trong sổ tài sản cố định. Hồ sơ này được chuẩn bị khi mua lại tài sản và cập nhật vào cuối năm khi kiểm kê tài sản được thực hiện (tại cột trạng thái hiện tại tại ngày báo cáo của mẫu mới).

* Việc ghi chép tài sản cố định phải được dựa trên kế toán dồn tích và nguyên tắc giá gốc.
* Trong khi thực hiện dự án phải tuân thủ tất cả các quy định về ghi giảm giá trị tài sản cố định.
* Trong quá trình thực hiện dự án, nếu tài sản được giao cho bên thứ ba, thì cần phải có được sự quyết định cho phép chính của cơ quan có thẩm quyền và phải có chứng từ ghi lại việc giao hàng cùng với tình trạng giao hàng. Người nhận tài sản có trách nhiệm quản lý tài sản và hàng năm báo cáo cho QBVMTVN về tình trạng của tài sản. QBVMTVN vẫn còn có trách nhiệm cập nhật thông tin và báo cáo về các tài sản này.
* Việc kiểm kê tài sản được thực hiện hàng năm tại BQLDA - QBVMTVN và các bên khác sử dụng tài sản hàng năm. Các tài sản được kiểm kê theo số lượng dựa vào chủng loại, mã số, tình trạng và được so sánh sổ ghi tài sản cố định để phát hiện ra bất kỳ mất mát hoặc tổn thất nào để có phương án xử lý kịp thời.
* Vào thời điểm kết thúc dự án, tài sản cố định phải được kiểm kê và chuyển tới cơ quan có thẩm quyền phù hợp với các quy định hiện hành và thỏa thuận dự án (nếu có).
	+ - 1. *Quản lý Dự án và quản lý các khoản phải thu và khoản phải trả:*

BQLDA - QBVMTVN giao cho cán bộ quản lý các hợp đồng đã ký và quản lý các khoản phải thu và các khoản phải trả. Hợp đồng và các khoản phải thu và các khoản phải trả phải được quản lý tốt để phục vụ cho việc thanh toán và các hoạt động giải ngân cũng như mục đích báo cáo tiến độ và dự án.

Hợp đồng được quản lý như sau:

* Tài liệu hợp đồng: tài liệu hợp đồng phải được lưu lại theo đúng quy cách;
* Tiến độ thực hiện hợp đồng: tiến độ hợp đồng phải được giám sát chặt chẽ, cả công việc thực tế và tiến độ thanh toán, và so sánh thực tế với kế hoạch;
* Cam kết hợp đồng: các cam kết hợp đồng về số tiền chưa được thanh toán và sẽ được thanh toán phải được ghi lại và so sánh với tổng số tiền chưa được giải ngân của dự án;
* Hàng tháng, bộ phận Tài chính Kế toán chuẩn bị báo cáo trình Giám đốc QBVMTVN về tình hình các khoản phải thu và phải trả với các ghi chú vào các mặt hàng quá hạn để cấp quản lý có phương án xử lý kịp thời;
* Đối chiếu số dư nợ với bên vay và bên cho vay phải được thực hiện ít nhất một năm một lần vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
	+ - 1. *Quản lý tạm ứng cho cán bộ dự án:*

Tạm ứng chỉ có thể được áp dụng cho các hoạt động của dự án. Đối tượng nhận tạm ứng phải là cán bộ của BQLDA - QBVMTVN. Khi muốn đề nghị tạm ứng, người nhận tạm ứng phải chuẩn bị một giấy đề nghị tạm ứng theo mẫu C32-HD (kèm theo Quyết định 19/2006/QD-BTC của BTC), nộp đề nghị tạm ứng cho người đứng đầu bộ phận của cán bộ đó, kế toán trưởng và Giám đốc QBVMTVN để phê duyệt.

Sau khi hoàn thành công việc được giao hoặc tới hạn thanh toán tạm ứng, cán bộ làm tạm ứng phải hoàn trả các chứng từ tạm ứng tối đa trong vòng 30 ngày sau khi các hoạt động của dự án được hoàn thành thông qua việc chuẩn bị giấy yêu cầu thanh toán giải thích các chi phí thực tế (kèm theo các tài liệu/ chứng từ chứng minh), số tiền chưa chi sẽ được hoàn trả lại cho kế toán, và số tiền chi vượt quá số tiền tạm ứng sẽ được kế toán thanh toán thêm.

Nếu cán bộ làm tạm ứng không tuân theo các thủ tục hoàn trả đúng thời gian, kế toán sẽ báo cáo cho Giám đốc QBVMTVN để có biện pháp xử lý. Dựa vào chỉ đạo của giám đốc, bộ phận kế toán tìm ra các tạm ứng quá hạn. Đối với những tạm ứng quá hạn hơn ba tháng, ngoài các biện pháp xử lý do giám đốc chỉ đạo, bộ phận kế toán có thể trừ từ tiền lương của cán bộ xin tạm ứng để hoàn trả lại tiền còn dư nợ cho các khoản tạm ứng đó.

Kế toán mở sổ để ghi lại khoản tạm ứng một cách chi tiết tới người nhận tiền và và tiến độ trả tiền.

BQLDA - QBVMTVN cần phải được thông báo về việc thanh toán các khoản chi ở ngưỡng vượt quá ngưỡng của BQLDA - QBVMTVN.

Việc đối chiếu các khoản thanh toán tạm ứng giữa BQLDA - QBVMTVN, BQLDA-BNMT/BQLDA-BKHĐT cần được thực hiện hàng năm.

## 9.6. Báo cáo tài chính

Mục này liên quan đến mục 4.3.3 tại Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT.

9.6.1 Nguyên tắc cơ bản của báo cáo tài chính

BQLDA - QBVMTVN sẽ hạch toán kế toán Hợp phần 2 theo Thông tư 93/2003 của BTC, sau đó nộp lên BQLDA - BKHĐT nhằm thống nhất.

Hạn cuối nộp báo cáo hàng quý là trong vòng 30 ngày kể từ ngày cuối cùng của quý.

9.6.2 Báo cáo tài chính giữa kỳ

Các Báo cáo tài chính giữa kỳ (IFRs) được chuẩn bị bởi QBVMTVN để giám sát hoạt động tài chính của dự án theo mẫu được thống nhất giữa các đại diện chính phủ Việt Nam và IDA. QBVMTVN sẽ nộp các Báo cáo tài chính giữa kỳ cho BQLDA - BKHĐT trong vòng 30 ngày sau khi kết thúc quý. Các Báo cáo tài chính giữa kỳ sẽ thể hiện tất cả các hoạt động của dự án và bao gồm:

* Các báo cáo tài chính (so sánh chi tiêu thức tế với số kế hoạch):
* Nguồn và sử dụng nguồn (IFR1);
* Đối chiếu số dư tài khoản đặc biệt (IFR3);
* Báo cáo tài chính cuối cùng
* Các báo cáo giám sát về việc thực hiện việc cho vay lại.
* Báo cáo tiến độ giải ngân vốn ODA (Theo mẫu số 4, ban hành kèm Quyết định 803)
* Báo cáo tiến độ giải ngân vốn đối ứng
* Báo cáo về hoạt động đấu thầu

Các mẫu báo cáo tài chính giữa kỳ tại Phụ lục 8 của Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT

Các báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán và nộp lên NHTG trong vòng 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của QBVMTVN theo quy định sẽ được nộp lên BTC, BTNMT (Vụ Tài chính) và BKHĐT.

## 9.7. Các phương pháp giải ngân

Phần sau đây liên quan đến mục 4.2.2 Quy trình rút vốn của Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT.

9.7.1 Hồ sơ cho lần rút vốn đầu tiên

Xem mục 4.2.2.3, điểm a Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT.

9.7.2 Các phương pháp giải ngân:

Căn cứ Thông tư 09/2012/TT-NHNN và Quy định về giải ngân của NHTG, Hợp phần 2 của Dự án sẽ sử dụng các phương pháp giải ngân sau đây:

* ***Thanh toán trực tiếp/chuyển tiền trực tiếp:*** Phương pháp này được áp dụng cho việc thanh toán trực tiếp tới các nhà thầu hàng hóa, dịch vụ từ tài khoản NHTG khi khối lượng thanh toán trên 20% mức trần của TKĐB (Xem mục 4.2.2.3, điểm bSổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT).

Thời hạn thanh toán cuối cùng là bốn tháng sau ngày dự án kết thúc như đã được nêu trong Thư Giải ngân của NHTG.

* ***Thư cam kết đặc biệt (Nếu áp dụng)***: Quy trình thanh toán qua thư cam kết bao gồm giấy yêu cầu thanh toán theo của BTC và thư cam kết đặc biệt do NHTG phát hành, thanh toán cho ngân hàng phục vụ đối với các khoản đã chi trả hoặc sẽ được chi trả cho nhà cung cấp bằng thư tín dụng (L/C) (Xem mục 4.2.2.3, điểm cSổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT).
* ***Hoàn trả***: Ngân hàng có thể hoàn trả lại cho bên vay những chi phí hợp lệ được tài trợ từ vốn vay theo Hiệp định vay (gọi tắt là “các chi phí hợp lệ”), trong trường hợp bên vay đã dùng nguồn của mình để thanh toán trước những chi phí đó (Xem mục 4.2.2.3, điểm d Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT).
* ***Tạm ứng vào tài khoản đặc biệt (TKĐB):*** Một tài khoản đặc biệt cho Hợp phần 2 sẽ được mở bởi BQLDA - QBVMTVN để giải ngân các khoản chi trả hợp lệ theo quy định của thỏa thuận pháp lý. Tài khoản này sẽ được sử dụng để giải ngân tiền từ NHTG cho Hợp phần 2 (Xem mục 4.2.2.3, điểm e Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT).
* Mức trần TKĐB của BQLDA - QBVMTVN được thông báo trong Thư giải ngân, ban hành bởi NHTG. BQLDA - QBVMTVN sẽ chuẩn bị bản chi phí (SOE) về việc sử dụng TKĐB lên BQLDA - BKHĐT, BTC, và NHTG hàng tháng.

9.7.3 Thủ tục rút vốn vay

Xem chi tiết trong mục 4.2.2.1 và mục 4.2.2.3 Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT.

* ***Chữ ký của người được ủy quyền:*** Trước khi được rút hoặc cam kết vốn từ Tài khoản vay, đại diện được ủy quyền của bên vay (người được chỉ định trong Hiệp định vay) phải cung cấp cho Ngân hàng (a) tên của cán bộ (hoặc các cán bộ) được ủy quyền ký đơn rút vốn hoặc đơn yêu cầu cam kết đặc biệt (gọi chung là “Đơn”), và (b) mẫu chữ ký được xác nhận của (các) cán bộ đó. Bên vay phải nêu rõ nếu đơn cần có từ hai chữ ký trở lên và phải thông báo ngay cho Ngân hàng bất kỳ thay đổi nào về người được ủy quyền ký đơn.
* ***Tài liệu:*** Để rút tạm ứng vốn từ Tài khoản vay, bên vay phải nộp một bản gốc đơn rút vốn có chữ ký. Để rút tiền từ Tài khoản vay cho mục đích hoàn trả và thanh toán trực tiếp cũng như để báo cáo việc sử dụng tiền tạm ứng, bên vay phải nộp bản gốc đơn rút vốn có chữ ký, kèm theo một bản sao các hồ sơ, chứng từ hỗ trợ. Đối với hai hình thức hoàn trả và tạm ứng, chứng từ hỗ trợ là các Báo cáo tài chính giữa kỳ/tạm thời (IFRs). Đối với hình thức thanh toán trực tiếp, tài liệu hỗ trợ là các chứng từ gốc hoặc bất kỳ tài liệu hỗ trợ nào khác mà Ngân hàng thế giới yêu cầu được thông báo cho bên vay. Các biểu mẫu báo cáo tài chính giữa kỳ (IFRs) được cung cấp theo bảng hướng dẫn này( Xem Phụ lục 8 Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT cho mẫu IFRs).
* **NHTG chuyển tiền vào TKĐB:** Trước mỗi quý thanh toán, QBVMTVN sẽ lập dự toán nhu cầu vốn để giải ngân cho dự án trong quý đó và hoàn thành thủ tục giải trình cho khoản giải ngân trong quý trước. NHTG sẽ dựa vào các nhu cầu này và gửi tiền vào TKĐB.
* **Dòng vốn từ IDA đến người vay/người hưởng lợi[[12]](#footnote-12):** Vốn của IDA sẽ được BTC cho QBVMTVN vay với các điều khoản và điều kiện được IDA chấp nhận. Vốn IDA được chuyển trực tiếp vào tài khoản đặc biệt của QBVMTVN mở tại một ngân hàng thương mại được IDA chấp nhận. Hồ sơ xin rút vốn do QBVMTVN lập và được nộp lên và xử lý thông qua BTC (Vụ tài chính đối ngoại). QBVMTVN chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng vốn cho các chủ đầu tư và đối tượng hưởng lợi. Chi tiết được mô tả trong Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT (Phần 4.2.2).
* **Tần suất báo cáo các khoản giải ngân hợp lý từ tài khoản đặc biệt:** BQLDA - QBVMTVN báo cáo tiến độ sử dụng tiền vay được tạm tứng về tài khoản đặc biệt hàng tháng theo như mẫu trong Thư giải ngân của NHTG.

## 9.8. Kiểm toán

9.8.1 Kiểm toán nội bộ: Kiểm toán nội bộ sẽ được thực hiện bởi cán bộ kiểm toán nội bộ, trực thuộc bộ phận kiểm soát nội bộ, định kỳ 6 tháng/lần. Điều khoản tham chiếu chức danh cán bộ kiểm toán nội bộ được quy định trong Phụ lục 14.

* Kiểm toán các thông tin bao gồm các thông tin liên quan đến thu nhập, chi phí, giải ngân vốn, và quy trình đánh giá rủi ro.
* Rà soát các tài sản.
* Rà soát và thẩm định tính kinh tế, hiệu quả các nguồn lực được sử dụng.
* Rà soát các hồ sơ gốc đối với các khoản thanh toán cho nhà thầu, nhà cung cấp, và các chi phí hoạt động của BQLDA.
* Thực hiện rà soát các yêu cầu của CĐT bởi QBVMTVN hoặc NHTG.
* Phối hợp với kiểm toán bên ngoài nhằm nâng cao tính hiệu quả hoạt động.

9.8.2 Kiểm toán bên ngoài

Các báo cáo tài chính của QBVMTVN, bao gồm cả các thuyết minh/ phần báo cáo tách biệt cho BQLDA - QBVMTVN cần được kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế và do một công ty kiểm toán độc lập được thuê bởi BKHĐT đồng thời được NHTG chấp nhận. Xem Điều khoản tham chiếu tại phụ lục do BKHĐT cung cấp) và Mẫu thuyết minh báo cáo tài chính đối với báo cáo nguồn và sử dụng nguồn BQLDA tại phụ lục 8 Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT (Chi phí kiểm toán sẽ được BQLDA - BKHDT chi trả).

# X. Đấu thầu/Mua sắm/Thuê chuyên gia

Quy trình ðấu thầu sẽ ðýợc thực hiện theo Chýõng 5 (Ðấu thầu) của Sổ tay Hýớng dẫn thực hiện dự án của BKHÐT.

## 10.1. Quy trình đấu thầu

Căn cứ Điều 1 của luật Đấu thầu số 61/2005/QH ban hành ngày 29/11/2005 quy định nếu dự án sử dụng vốn nhà nước từ 30% trở lên thì phải áp dụng hình thức đấu thầu cho các trạm XLNTTT theo quy định của pháp luật. Cụ thể, CĐT phải áp dụng hình thức Đấu thầu rộng rãi, công khai được quy định thể tại Luật Đấu thầu số 61/2005/QH và Nghị định 85/2009/NĐ-CP. Quy trình chi tiết của đấu thầu rộng rãi, công khai được miêu tả trong Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT (Mục 5.4.2) và CĐT sẽ phải nghiên cứu chương 5 về đấu thầu và tuân thủ quy trình này khi thực hiện đấu thầu cho trạm XLNTTT. Đối với các CĐT trạm XLNTTT tư nhân, hình thức đấu thầu tư nhân có thể được áp dụng. Tuy nhiên các CĐT này được khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi.

Các hợp đồng có giá trị trên 6 triệu đô la Mỹ sẽ phải theo hình thức đấu thầu ICB quy định tại Hướng dẫn của NHTG về Đấu thầu và phải được xem xét trước bởi NHTG. CĐT không được giao thầu cho công ty mẹ hay , công ty con, công ty CĐT nắm đa số cổ phần hoặc các công ty, tổ chức nhà nước không hợp lệ.

## 10.2. Kế hoạch đấu thầu

CĐT phải chuẩn bị kế hoạch mời thầu sử dụng các biểu mẫu của Luật Đấu thuần số 61/2005/QH và Nghị định 85/2009/NĐ-CP. CBTD sẽ rà soát lại kế hoạch mời thầu nhằm đảm bảo CĐT tuân thủ đúng theo các yêu cầu do dự án đưa ra. Trước khi phê duyệt khoản cho vay lại, QBVMTVN phải nộp bản kế hoạch này cho NHTG rà soát và nhận được thư không từ chối.

## 10.3. Giám sát và theo dõi

QBVMTVN sẽ xác minh quy trình đấu thầu trạm XLNTTT của CĐT tuân thủ đúng theo Luật Đấu thầu số 61/2005/QH. Trách nhiệm chung của Quỹ bao gồm:

* Đánh giá năng lực của CĐT để tiến hành đấu thầu hiệu quả;
* Kiểm tra các kế hoạch đấu thầu hàng hóa, thiết bị, xây lắp hợp lệ;
* Kiểm tra các hồ sơ như hóa đơn, hợp đồng xây dựng, và các giấy tờ liên quan khác nhằm đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn vay phù hợp, đúng theo quy định và luật pháp.
* Đảm bảo quá trình hoạt động theo đúng tiêu chí kỹ thuật, môi trường, đáp ứng được các yêu cầu của NHTG.

## 10.4. Xét duyệt của Ngân hàng Thế giới

Các hợp đồng xây dựng trạm XLNTTT sẽ được NHTG xét duyệt sau, trừ trường hợp giá trị hợp đồng lớn hơn 6 triệu USD. QBVMTVN và CĐT sẽ phải lưu trữ tất cả các tài liệu mời thầu liên quan trong vòng 2 năm sau ngày đóng Hiệp định cho vay. Tất cả hồ sơ này phải được kiểm toán nếu có yêu cầu từ phía NHTG. Tại mỗi dự án, NHTG sẽ lựa chọn ngẫu nhiêu các hồ sơ mời thầu (Ít nhất 20% số lượng hợp đồng được xét duyệt sau).

Trong quá trình xét duyệt sau, nếu NHTG xác định quy trình mời thầu thực hiện bởi CĐT không theo đúng kế hoạch mời thầu đã được NHTG chấp nhận và đã được mô tả trong Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT, NHTG sẽ tiến hành các biện pháp đã được quy định trong đoạn 1.14 của Hướng dẫn Mua sắm bằng vốn vay vay IBRD và tín dụng IDA.

## 10.5. Mua sắm thiết bị và các dịch vụ phi tư vấn

Xem Mục 5.4.2 tại Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT**.**

## 10.6. Phương pháp lựa chọn tư vấn

Xem Mục 5.4.3 tại Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án của BKHĐT**.**

1. Thời hạn cho vay và ân hạn sẽ được thương lượng giữa QBVMTVN và CĐT nhưng không vượt quá thời gian nêu trên. Thời gian ân hạn được tính từ ngày bắt đầu giải ngân đến tài khoản CĐT. [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo mục c, điều 7, Nghị định 78/2010/NĐ-CP và Quyết định số 29/2011/QĐ-TTg, xử lý nước thải khu công nghiệp là một trong những ngành được hưởng lãi suất ưu đãi theo mức bằng 30% mức lãi suất cho vay lại bằng ngoại tệ hoặc đồng Việt Nam tương ứng, nhưng không thấp hơn lãi suất vay nước ngoài. [↑](#footnote-ref-2)
3. Chủ thể vay vốn được hiểu là một chủ thể độc lập có khả năng về mặt kỹ thuật để triển khai và quản lý dự án và có khả năng tài chính để trả nợ. Một CĐT có thể vay vốn đầu tư một hay nhiều dự án miễn đảm bảo tổng dư nợ không vượt quá 5 triệu USD. [↑](#footnote-ref-3)
4. Tài sản hình thành từ vốn vay được tính khi CĐT hoàn thiện việc xây dựng và lắp đặt trạm XLNTTT và trạm sẵn sàng đi vào hoạt động. [↑](#footnote-ref-4)
5. Còn được gọi là Project Implementation Manual (PIM) [↑](#footnote-ref-5)
6. Sau khi dự án ðýợc thẩm định sơ bộ, Bộ phận tín dụng lập ðề xuất thẩm ðịnh thực tế chuyển đến BQLDA để thực hiện tiếp các bước tiếp theo. BQLDA chịu trách nhiệm tổng hợp thư không phản đối từ NHTG bao gồm 2 chính sách đảm bảo An toàn môi trýờng và xã hội và đảm bảo kế hoạch ðấu thầu của dự án là phù hợp. BQLDA cũng chịu trách nhiệm điều phối các chuyên gia để tham gia hỗ trợ thẩm định dự án cùng Bộ phận Tín dụng. [↑](#footnote-ref-6)
7. Để thời gian trình lấy ý kiến là ngắn nhất, QBVMTVN sẽ chuẩn bị các điều kiện cần thiết để xin ý kiến HĐQL. Dự kiến thời gian lấy ý kiến là 7 ngày làm việc. Theo quy định hiện tại của QBVMTVN về phân cấp thẩm quyền phê duyệt cho vay, các dự án có mức vay từ 15 tỷ đồng trở lên cần xin ý kiến HĐQL.   [↑](#footnote-ref-7)
8. Danh sách công ty thẩm định giá năm 2012 được chấp thuận bởi BTC sẽ căn cứ theo văn bản do BTC ban hành. [↑](#footnote-ref-8)
9. Quy trình ra quyết định cho vay theo Quyết định số 04/QĐ-HĐQL ngày 25/10/2010 về thẩm quyền quyết định cho vay vốn với lãi suất ưu đãi của Giám đốc QBVMTVN.. [↑](#footnote-ref-9)
10. Nếu dự án bị từ chối, Giám đốc BQLDA - QBVMTVN sẽ yêu cầu Trưởng Bộ phận Tín dụng gửi thông báo từ chối tới CĐT. [↑](#footnote-ref-10)
11. Ngân hàng phục vụ là nơi QBVMTVN mở TKĐB cho Hợp phần 2. Ngân hàng phục vụ là một Ngân hàng thương mại được NHNN chỉ định và NHTG chấp thuận. . [↑](#footnote-ref-11)
12. Người thụ hưởng có thể là nhà cung cấp hoặc nhà thầu [↑](#footnote-ref-12)